

NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua Hồ sơ trình phê duyệt Quy hoạch
và các nội dung chủ yếu của Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk
thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA X, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ MƯỜI MỘT**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy
hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số
58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một
số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;*

*Căn cứ Quyết định số 915/QĐ-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng
Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021 - 2030,
tầm nhìn đến năm 2050;*

*Xét Tờ trình số 155/TTr-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về việc đề nghị thông qua các nội dung chủ yếu của Quy hoạch tỉnh Đắk
Lắk thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo thẩm tra số 206/BC-
HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân
dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Hồ sơ trình phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk thời kỳ
2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, gồm các tài liệu sau:

(1) Dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh
Đắk Lắk thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

(2) Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy
hoạch tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

(3) Báo cáo Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (gồm báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt);

(4) Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược;

(5) Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân về quy hoạch; bản sao ý kiến góp ý của Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý về quy hoạch;

(6) Báo cáo thẩm định quy hoạch; bản sao ý kiến của chuyên gia, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức khác có liên quan;

(7) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định;

(8) Hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu về quy hoạch.

Điều 2. Thông qua những nội dung chủ yếu của Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (theo Phụ lục đính kèm).

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn thiện Hồ sơ Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu, hệ thống sơ đồ, bản đồ và cơ sở dữ liệu trong hồ sơ quy hoạch và phụ lục đính kèm, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa X, Kỳ họp Chuyên đề lần thứ Mười một thông qua ngày 14 tháng 11 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu;
- Bộ KHĐT;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh; Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Văn phòng: Tỉnh ủy; UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- TT HĐND các huyện, TX, TP;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Đắk Lắk;
- Trung tâm CN và Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, CT HĐND.

CHỦ TỊCH



Huỳnh Thị Chiến Hòa

PHỤ LỤC:
CÁC NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA QUY HOẠCH TỈNH ĐẮK LẮK
THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Nghị quyết số **38** /NQ-HĐND, ngày 14/11/2023 của HĐND tỉnh)

I. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch

Phạm vi quy hoạch là phần lãnh thổ tỉnh Đắk Lắk với tổng diện tích đất tự nhiên của tỉnh là 13.070,41 km². Ranh giới như sau:

- Phía Bắc giáp tỉnh Gia Lai;
- Phía Đông giáp tỉnh Phú Yên và tỉnh Khánh Hòa;
- Phía Nam giáp tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Đắk Nông;
- Phía Tây giáp Vương quốc Campuchia.

II. Thời kỳ lập quy hoạch

- Thời kỳ lập quy hoạch: 2021-2030;
- Tầm nhìn dài hạn: Đến năm 2050.

III. Quan điểm phát triển

- Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải bám sát chủ trương, đường lối phát triển của Đảng, Nhà nước; các mục tiêu, định hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và bền vững; bảo đảm dân chủ, sự tuân thủ, tính liên tục, kế thừa, ổn định, phải phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia và quy hoạch vùng Tây Nguyên.

- Phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, toàn diện trên cơ sở tập trung, thu hút, huy động nguồn lực để phát triển các ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế cạnh tranh, bao gồm 4 trụ cột tăng trưởng: Phát triển các sản phẩm nông, lâm sản lợi thế quy mô lớn, chất lượng cao, xuất khẩu lớn; Công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản và sản xuất năng lượng tái tạo quy mô lớn; Kinh tế đô thị¹, hạ tầng số, hạ tầng thủy lợi; Dịch vụ-logistics-du lịch dựa trên nền tảng số, kinh tế số, xã hội số.

Thành phố Buôn Ma Thuột là đô thị trung tâm của vùng Tây Nguyên với một không gian Xanh – Sinh thái – Thông minh – Bản sắc, cửa ngõ của vùng Tây Nguyên hội nhập với khu vực và quốc tế. Người dân được thụ hưởng một đời sống chất lượng với dịch vụ xã hội tốt, môi trường được đảm bảo, cơ hội việc làm và thu nhập cao.

¹ Phát triển thành phố Buôn Ma Thuột thành đô thị hạt nhân vùng Tây Nguyên, có tác dụng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội toàn vùng; là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục đào tạo, khoa học kỹ thuật, y tế, dịch vụ, du lịch, thể dục thể thao của tỉnh Đắk Lắk và vùng Tây Nguyên; tạo sự tác động lan toả trong toàn tỉnh và cả vùng.

- Nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh kinh tế toàn tỉnh trên cơ sở chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, nhất là tăng dần kinh tế số. Phát triển bền vững theo hướng tăng trưởng xanh và xây dựng nông thôn mới, trong đó lấy con người là trung tâm, khoa học công nghệ là động lực phát triển và là nguồn lực phát triển quan trọng nhất, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh và liên tục tạo ra các lợi thế so sánh mới để nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế tỉnh. Đẩy mạnh công tác giảm nghèo bền vững, giảm chênh lệch về phát triển xã hội giữa các khu vực và giữa các nhóm dân tộc trong tỉnh.

- Xây dựng hệ thống đô thị thành các cực phát triển với các trung tâm kinh tế, đô thị thông minh; các khu, cụm công nghiệp và dịch vụ; các hành lang phát triển và các vùng chuyên canh. Ứng dụng khoa học công nghệ và lựa chọn phát triển những điểm đột phá xanh trong các cụm ngành trọng điểm. Chủ động nắm bắt kịp thời, tận dụng hiệu quả các cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư gắn với quá trình hội nhập quốc tế để nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh kinh tế.

- Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, hiệu quả đáp ứng yêu cầu phát triển; kết nối hệ thống giao thông với các tỉnh lân cận, khu vực và quốc tế bằng đường bộ, đường hàng không hiện có và đường sắt trong tương lai, nhằm gắn kết không gian cao nguyên với không gian ven biển vùng Duyên hải. Phát triển hài hòa giữa kết cấu hạ tầng sản xuất với kết cấu hạ tầng xã hội chủ chốt: giáo dục - đào tạo, y tế, văn hoá; Phát triển hạ tầng số dung lượng lớn, tạo đà thúc đẩy tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội phát triển theo định hướng "Chính quyền số - kinh tế số - xã hội số".

- Phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường sinh thái. Quản lý chặt chẽ, sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên đất, nước, rừng và các loại tài nguyên khác; bảo vệ, cải thiện môi trường; chủ động, tích cực triển khai các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai.

- Phát triển kinh tế, xã hội gắn với xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, củng cố bảo đảm quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới; tăng cường mở rộng hội nhập quốc tế.

IV. Tầm nhìn đến năm 2050

Tỉnh Đắk Lắk trở thành tỉnh có "Không gian sinh thái - Bản sắc - Kết nối sáng tạo". Đắk Lắk là điểm đến yêu thích, đáng sống, an ninh - an toàn. Đến năm 2050, tỉnh Đắk Lắk có nền kinh tế điển hình theo mô hình tăng trưởng xanh - tuần hoàn, nằm trong nhóm các tỉnh phát triển thịnh vượng của cả nước. Vị thế phát triển của tỉnh trong cả nước được nâng lên rõ rệt, quy mô kinh tế vươn lên đứng trong nhóm 25 tỉnh đứng đầu cả nước. Người dân Đắk Lắk "Văn minh - Thân thiện - Hội nhập".

Đến năm 2050, tỉnh Đắk Lắk định hình rõ nét các chức năng ở nhiều cấp độ quốc tế, quốc gia, vùng Tây Nguyên. Tập trung phát triển xứng tầm trên một số chức năng riêng có của tỉnh như sau: (1). Thành phố cả phê thế giới; (2). Trung tâm nghiên cứu và ứng dụng KHCN nông nghiệp quốc tế; (3). Trung tâm

Văn hóa vùng Tây Nguyên; (4). Trung tâm bảo tồn đa dạng sinh học Vùng Tây Nguyên và khu vực Tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam; (5). Đô thị trung tâm vùng Tây Nguyên.

V. Mục tiêu phát triển đến năm 2030

1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao đời sống vật chất, văn hóa và tinh thần của Nhân dân đạt mức trung bình khá của cả nước, trên cơ sở: phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững dựa trên kinh tế xanh, tuần hoàn; bản sắc văn hóa các dân tộc; Đắk Lắk trở thành điểm đến đặc sắc, hấp dẫn khách du lịch trong nước và quốc tế; Buôn Ma Thuột là một cực phát triển của vùng Tây Nguyên, hội nhập và liên kết theo hướng mở với khu vực và quốc tế. Tiếp tục duy trì tốc độ đầu tư tích lũy cao cho nền kinh tế; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tiến bộ, tăng tính bền vững trong phát triển; đổi mới mạnh mẽ khoa học và công nghệ, nâng cao rõ rệt chất lượng giáo dục đào tạo, phát triển nguồn nhân lực và y tế, văn hóa, thể dục thể thao. Kết hợp giữa phát triển kinh tế với bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, phát huy sức mạnh đoàn kết các dân tộc, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2. Mục tiêu cụ thể

- Về kinh tế:

+ Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân hàng năm thời kỳ 2021-2030 là 11%, trong đó: giai đoạn 2021-2025 là 10%/năm, riêng công nghiệp - xây dựng tăng 17%/năm, nông lâm thủy sản tăng 4,5%/năm, dịch vụ tăng 11,5%/năm. Giai đoạn 2026-2030 tăng 12%/năm, trong đó, công nghiệp - xây dựng tăng 22%/năm, nông lâm thủy sản tăng 5,2%/năm, dịch vụ tăng 10,7%/năm.

+ Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đến năm 2025 tỷ trọng các khu vực: Nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 24,8%; công nghiệp - xây dựng chiếm 26,2%; dịch vụ chiếm 44% và thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 5%; đến năm 2030, Nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 20,6%; công nghiệp-xây dựng chiếm 39,5%; dịch vụ chiếm 35%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 4,9%;

+ Phần đầu tỷ trọng kinh tế số tăng dần, bám sát chỉ tiêu cả nước, năm 2030 đạt 20%.

+ GRDP bình quân đầu người (*giá hiện hành*) đến năm 2025 đạt 81,2 triệu đồng, đến năm 2030 đạt 131 triệu đồng;

+ Huy động GRDP vào ngân sách khoảng 12% giai đoạn 2021-2025, và 13-14% giai đoạn 2026-2030. Tốc độ tăng bình quân thu ngân sách đạt 8-9%/năm giai đoạn 2021-2025 và 12-14%/năm giai đoạn 2026-2030;

+ Tổng vốn đầu tư toàn xã hội chiếm khoảng 45% GRDP giai đoạn 2021-2025 và 41% GRDP giai đoạn 2026-2030.

- Về xã hội:

+ Trong thời kỳ 2021-2030, giảm tỷ lệ hộ nghèo cả tỉnh 1,5%-2%/năm; riêng hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm hàng năm 3-4%.

+ Giảm tỉ lệ tăng dân số tự nhiên, đến năm 2025 còn 0,9%; năm 2030 còn 0,81%. Đến năm 2025 quy mô dân số khoảng 1.982,3 ngàn người, năm 2030 khoảng 2.067,7 ngàn người.

+ Chuyển dịch cơ cấu dân số theo hướng tăng tỷ lệ dân số đô thị, phấn đấu tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2025 tối thiểu đạt là 35%, đến năm 2030 đạt 47%.

+ Giảm tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng số lao động hoạt động kinh tế còn khoảng 56% vào năm 2025 và khoảng 52% vào năm 2030, 44% năm 2050.

+ Trong giai đoạn 2021-2025, phấn đấu giải quyết việc làm cho khoảng 150.000 lao động, xuất khẩu lao động trên 7.000 người; Giảm tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị đến năm 2025 còn 2,3-3%, năm 2030 còn 2-3%.

+ Nâng cao chất lượng nguồn lao động. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đến năm 2030 đạt 25-30%;

+ Nâng cấp hệ sinh thái khởi nghiệp tỉnh đến năm 2025 lên cấp độ 3/7, đến năm 2030 lên cấp độ 4/7.

- Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi) đến năm 2025 là 17,4%, dưới 16,4% vào năm 2030. Số giường bệnh trên một vạn dân (không tính giường trạm y tế xã) đến năm 2025 đạt 29 giường, đến năm 2030 đạt 32 giường; số bác sỹ trên một vạn dân đến năm 2025 đạt 8 bác sỹ, đến năm 2030 đạt 11 bác sỹ. Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt trên 90%.

+ Tăng tỷ lệ trường đạt chuẩn Quốc gia, đến năm 2025 đạt 60%, năm 2030 đạt 70%.

+ Đến năm 2025, có trên 65% số xã đạt chuẩn nông thôn mới và có ít nhất 04 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới. Đến năm 2030, có 85% số xã đạt chuẩn nông thôn mới.

- Về môi trường:

- Đến năm 2025:

+ Tỷ lệ khu, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%;

+ Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom, xử lý đạt 92%; Tỷ lệ che phủ rừng (tính cả cây cao su, cây gỗ lâu năm ngoài quy hoạch lâm nghiệp) đạt từ 40-42%;

+ Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 97,5%; Tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch đạt 92,5%;

+ Tỷ lệ thu gom xử lý nước thải sinh hoạt tại các đô thị trên địa bàn Tỉnh đạt 50%.

- Đến năm 2030:

+ Duy trì tỷ lệ che phủ rừng ổn định ở mức 42-44% (tính cả cây cao su, cây gỗ lâu năm ngoài quy hoạch lâm nghiệp);

+ Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 98%, trong đó tỷ lệ được sử dụng nước sạch đạt 65%;

+ Tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch đạt 98%.

+ Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom, xử lý đạt 98%;

+ Thành phố Buôn Ma Thuột có công trình tái chế chất thải rắn và 98% các đô thị còn lại có công trình tái chế chất thải rắn phù hợp với việc phân loại tại hộ gia đình;

+ 80% lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại khu dân cư nông thôn tập trung được thu gom, lưu giữ, vận chuyển, tự xử lý, xử lý tập trung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường;

+ 100% chất thải rắn nguy hại được quản lý và kiểm soát chặt chẽ từ nguồn thải đến thu gom, vận chuyển và xử lý cuối cùng;

+ 100% cụm công nghiệp, khu công nghiệp, khu chế xuất có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường;

+ Tỷ lệ chôn lấp sau xử lý không quá 20%;

+ Tỷ lệ thu gom xử lý nước thải sinh hoạt tại các đô thị trên địa bàn Tỉnh đạt 70%.

- Từng bước thực hiện mô hình kinh tế tuần hoàn trong đó các hoạt động thiết kế, sản xuất, tiêu dùng và dịch vụ nhằm giảm khai thác nguyên liệu, vật liệu, kéo dài dòng đời sản phẩm, hạn chế chất thải phát sinh và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

- Bảo tồn, sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học. Tăng cường năng lực quản lý môi trường và nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường.

- Về quốc phòng, an ninh:

Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân ngày càng vững chắc. Kết hợp chặt chẽ giữa củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế - xã hội. Phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết các dân tộc và của hệ thống chính trị trong bảo đảm an ninh trật tự; góp phần giữ gìn môi trường hòa bình, ổn định, phát triển của tỉnh. Xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức theo hướng chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Tuyển quân đạt 100% chỉ tiêu được giao; bố trí sắp xếp 100% đầu mối đơn vị dự bị động viên; dân quân tự vệ tổ chức, biên chế đúng quy định; tiếp tục đầu tư cơ sở, vật chất và nâng cao hiệu quả hoạt động của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Tổ chức diễn tập Khu vực phòng thủ cấp tỉnh, cấp huyện và diễn tập chiến đấu trong khu vực phòng thủ cấp xã theo quy định. Triển khai xây dựng công trình phòng thủ theo

quy hoạch thể trận quân sự trong khu vực phòng thủ. Bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh cho các đối tượng đảm bảo đúng quy định.

- Chỉ tiêu theo nhóm tổng hợp:

+ GRDP nông nghiệp giai đoạn 2021-2025 tăng bình quân 4,5%/năm; giai đoạn 2026-2030, tăng bình quân 5,2%/năm;

+ Trong thời kỳ 2021-2030, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 19-20%/năm, đóng góp 39-40% vào tăng GRDP cả tỉnh. Trong đó, công nghiệp tăng khoảng 20%/năm, xây dựng tăng gần 19%/năm.

+ Phân đầu, tăng GRDP ngành thương mại bình quân 8,5-9,5%/năm trong giai đoạn 2021-2025 và 11,0-13,0%/năm trong giai đoạn 2026-2030.

+ Tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu bình quân đạt 3,0-4,0%/năm trong giai đoạn 2021-2025. Giai đoạn 2026-2030 nhịp độ tăng xuất khẩu bình quân hàng năm 3,5-4,5%/năm.

+ Tăng trưởng kim ngạch nhập khẩu bình quân đạt 3,0-3,5%/năm trong giai đoạn 2021-2025. Giai đoạn 2026-2030 nhịp độ tăng nhập khẩu bình quân hàng năm 3,5-4,0%.

3. Các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá phát triển

a) Các nhiệm vụ trọng tâm

- Sản xuất hàng hóa chất lượng cao, quy mô lớn hướng tới các thị trường trong nước và xuất khẩu.

- Phát triển mạng lưới đô thị, mà trước hết ưu tiên nguồn lực đầu tư để thành phố Buôn Ma Thuột sớm trở thành trung tâm đô thị vùng Tây Nguyên theo Kết luận số 67-KL/TW của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 09/7/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 67-KL/TW ngày 16/12/2019 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 176/NQ-CP ngày 30/10/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 09/7/2020. Xây dựng, nâng cấp thị xã Buôn Hồ trở thành đô thị loại III trong giai đoạn 2021-2025. Xây dựng và phát triển huyện Ea Kar trở thành thị xã.

- Bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững hài hòa theo hướng tăng trưởng xanh.

- Ưu tiên các ngành sản xuất và các lĩnh vực dịch vụ phù hợp với chiến lược, định hướng phát triển của tỉnh trong tương lai, cũng như xu hướng phát triển trong nước và quốc tế, được sự ủng hộ của Chính phủ và các nhà đầu tư toàn cầu: tăng trưởng xanh, phát triển năng lượng sạch (tái tạo), phát triển du lịch và dịch vụ logistics kết nối với các cảng biển vùng Duyên hải miền Trung. Đẩy mạnh phát triển hệ thống hạ tầng kết nối theo hướng đồng bộ hiện đại và đa phương thức.

b) Các đột phá phát triển

- Đột phá về chính sách: Tháo gỡ các rào cản về cơ chế, chính sách; đẩy mạnh phân cấp. Xây dựng chính sách đào tạo nhân lực và chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao. Tập trung phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo.

- Đột phá về liên kết phát triển: Kết nối hệ thống giao thông với các tỉnh lân cận, khu vực và quốc tế; đẩy nhanh tiến độ đầu tư các công trình, dự án động lực, trọng tâm; phát triển mạnh thương mại, du lịch, công nghiệp.

- Đột phá về ứng dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất: Tập trung phát triển khoa học và công nghệ; hình thành các cụm dịch vụ, kỹ thuật nông nghiệp, chuyển giao khoa học kỹ thuật đến các địa bàn, hướng dẫn mô hình sản xuất, liên kết đầu mối thu mua, bảo quản chế biến, kiểm định chất lượng sản phẩm;

- Tạo đột phá căn bản, toàn diện về phát triển giáo dục - đào tạo và y tế; Phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao; ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho các lĩnh vực then chốt, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện, cơ bản về chất lượng giáo dục - đào tạo, y tế gắn với cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ nhân tài được cấp có thẩm quyền ban hành; nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng và phát triển mạnh khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo. Thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng mạnh mẽ thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Phát triển hạ tầng đồng bộ, hiện đại: Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tích hợp, đồng bộ, hiện đại, tạo sự liên thông giữa các vùng kinh tế động lực, các hành lang kinh tế và giữa các vùng, miền trong và ngoài tỉnh; tạo tiền đề thuận lợi để mở rộng cơ hội thu hút đầu tư, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Đầu tư xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng dịch vụ logistic và hạ tầng đô thị hiện đại. Đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế, thiết lập hạ tầng số...

VI. Phương hướng phát triển các ngành quan trọng và phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội

1. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng của tỉnh

a) Ngành nông nghiệp

Tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững. Đổi mới phương thức sản xuất nông nghiệp, khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên. Phát triển chuỗi giá trị các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh (*cây công nghiệp: cà phê, hồ tiêu, cao su, điều...; cây ăn quả: bơ, sầu riêng...; chăn nuôi: trâu, bò, heo, gia cầm*), đảm bảo chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm, phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia, quốc tế; đảm bảo truy xuất nguồn gốc sản phẩm, gắn với xây dựng thương hiệu và thị trường tiêu thụ. Phát triển các khu nông nghiệp trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản quy mô lớn, ứng dụng công nghệ tiên tiến gắn với các khâu bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị. Phát triển kinh tế lâm nghiệp gắn với quản lý, bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng; phát triển kinh tế rừng, kinh tế dưới tán rừng. Tăng nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng, dịch vụ bán tín chỉ

cacbon. Đổi mới lưu thông phân phối trên cơ sở xây dựng, phát triển và bảo vệ thương hiệu các sản phẩm đặc trưng của Đắk Lắk.

b) Ngành công nghiệp

Phát triển công nghiệp theo mô hình kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh, ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường. Trong đó, tập trung phát triển công nghiệp chế biến sâu sản phẩm nông nghiệp, phát triển công nghiệp cơ khí chế tạo phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp chế biến sâu nông lâm thủy sản, công nghiệp sản xuất năng lượng tái tạo quy mô lớn. Phát triển thành phố Buôn Ma Thuột thành trung tâm công nghiệp chế biến các loại nông sản thế mạnh, đặc hữu của tỉnh Đắk Lắk và vùng Tây Nguyên. Đa dạng hóa các ngành công nghiệp, nhất là công nghiệp phụ trợ. Huy động các nguồn lực để phát triển hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

c) Ngành thương mại - dịch vụ

Phát triển thương mại theo hướng hiện đại, mở rộng liên kết hoạt động thương mại gắn kết với thị trường trong và ngoài nước; Chú trọng đầu tư nâng cấp hệ thống hạ tầng thương mại điện tử; Gắn kết với phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh.

Phát triển dịch vụ theo hướng nâng cao chất lượng dịch vụ, phát huy các lợi thế so sánh, nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững và mang lại thu nhập cao cho người lao động. Phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ để đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của xã hội. Nâng cao năng lực cung cấp dịch vụ phục vụ cho phát triển thương mại, trong đó tập trung vào dịch vụ logistics, xúc tiến thương mại, dịch vụ khoa học công nghệ, dịch vụ tài chính ngân hàng, bảo hiểm, dịch vụ kinh tế ban đêm... Thành phố Buôn Ma Thuột trở thành địa bàn trung tâm xuất, nhập khẩu nông sản quy mô lớn (đặc biệt là cà phê) kết nối chặt chẽ với các cảng biển khu vực ven biển Miền Trung, Đông Nam Bộ; tham gia sâu vào chuỗi, mạng lưới phân phối hàng hóa nông sản quốc tế.

Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng, bền vững. Ưu tiên đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch; phát triển du lịch văn hóa, du lịch sinh thái, du lịch mạo hiểm, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch cộng đồng. Tăng cường liên kết và hợp tác phát triển du lịch với các tỉnh vùng Tây Nguyên và các vùng phụ cận, nhất là vùng Đông Nam Bộ và Duyên hải Trung Bộ, với thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh; đồng thời gắn với Khu vực Tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam.

2. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác

a) Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Đầu tư phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ (cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực khoa học và công nghệ, tăng tỷ lệ ngân sách đầu tư cho khoa học và công nghệ đảm bảo đạt từ 2% trở lên trong tổng chi ngân sách), trong đó ưu tiên phát triển các cơ sở nghiên cứu phát triển khoa học và công nghệ phục vụ chuyển đổi số. Thúc đẩy Chương trình nghiên cứu và chuyển giao khoa học

và công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất. Hoạt động nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ tập trung phục vụ phát triển nông nghiệp công nghệ cao, chọn tạo giống, chế biến và bảo quản nông sản. Tổ chức mạng lưới khoa học công nghệ.

b) Văn hóa, thể thao

Xây dựng môi trường văn hóa đậm đà bản sắc, lành mạnh trong các lĩnh vực của đời sống xã hội; Văn hóa gắn với thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, khoảng cách về hưởng thụ văn hóa và chênh lệch vùng miền; Gắn phát triển văn hóa với phát triển du lịch; bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa tiêu biểu gắn với phục vụ giáo dục và phát triển du lịch; kế thừa và phát huy các giá trị tốt đẹp của văn hoá dân tộc.

Tiếp tục mở rộng và đa dạng hóa các hoạt động đầu tư, xây dựng hạ tầng thể dục thể thao quần chúng, thể dục thể thao giải trí đáp ứng với nhu cầu thụ hưởng của nhân dân. Đẩy mạnh việc nâng cấp chất lượng hạ tầng giáo dục thể chất và thể thao trường học, đảm bảo phát triển con người toàn diện, làm nền tảng phát triển thể thao thành tích cao, góp phần xây dựng lối sống lành mạnh. Tích cực phát triển hạ tầng thể dục thể thao trong lực lượng vũ trang, góp phần đảm bảo an ninh quốc phòng toàn dân.

c) Giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp

Nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo giáo dục các cấp. Phát triển đào tạo theo hướng đồng bộ, tập trung, tinh gọn, cơ cấu hợp lý cả về trình độ và ngành nghề đào tạo, đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao. Triển khai xây dựng trung tâm đào tạo nguồn nhân lực cấp vùng tại thành phố Buôn Ma Thuột.

Hình thành và phát triển hệ thống giáo dục chuyên biệt dành cho người khuyết tật. Đầu tư nâng cấp Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập và mở mới hệ thống cấp huyện, tạo điều kiện thuận lợi cho người khuyết tật phát triển bản thân, hòa nhập, đóng góp cho cộng đồng, đảm bảo quyền học tập bình đẳng, chất lượng và phù hợp với đặc điểm, khả năng của người khuyết tật.

d) Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

Nâng cao sức khỏe nhân dân cả về thể chất và tinh thần, tâm vóc, tuổi thọ, chất lượng sống. Xây dựng, phát triển mạng lưới cơ sở y tế hiện đại, đồng bộ đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và công tác dự phòng. Tăng cường đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực y tế đáp ứng nhu cầu địa phương. Triển khai xây dựng trung tâm y tế cấp vùng đặt tại thành phố Buôn Ma Thuột. Khuyến khích phát triển y tế ngoài công lập.

đ) An sinh xã hội

Thực hiện giảm nghèo bền vững gắn với phát triển kinh tế - xã hội, nhất là khu vực có đông đồng bào dân tộc thiểu số; Hỗ trợ người dân có sinh kế bền vững thông qua đào tạo, chuyển đổi việc làm, nâng cao dân trí. Thực hiện đầy

đủ, kịp thời chế độ, chính sách đối với người có công và thân nhân theo quy định.

e) Quốc phòng và an ninh

Xây dựng lực lượng vũ trang tinh vững mạnh và khả năng sẵn sàng chiến đấu cao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong mọi tình huống, làm nòng cốt xây dựng nền quốc phòng toàn dân. Xây dựng thể trận an ninh nhân dân kết hợp chặt chẽ với thể trận quốc phòng toàn dân; Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Xây dựng bố trí quy hoạch đất quốc phòng, an ninh phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm xây dựng môi trường an ninh, an toàn, trật tự, kỷ cương, lành mạnh, góp phần phục vụ đắc lực nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

3. Phương án tổ chức các hoạt động kinh tế - xã hội

Tổ chức các hoạt động kinh tế - xã hội theo cấu trúc không gian “một trọng điểm - ba cực - ba hành lang - ba vùng”.

a) Một trọng điểm là thành phố Buôn Ma Thuột và phụ cận:

Trọng điểm phát triển kinh tế của tỉnh Đắk Lắk, vùng Tây Nguyên, đô thị đi đầu trong phát triển các ngành kinh tế mới, chuyển đổi số gắn với quá trình đô thị hóa, hiện đại hóa theo hướng Xanh – Sinh thái – Thông minh- Bản sắc trên nền tảng ứng dụng công nghệ số và quá trình chuyển đổi, tái cấu trúc các ngành kinh tế đô thị hướng vào chất lượng, bền vững và hội nhập kinh tế quốc tế.

b) Ba cực phát triển, gồm:

- Thị xã Buôn Hồ (cực tăng trưởng trung tâm tiểu vùng phía bắc của tỉnh) đóng vai trò là trung tâm nghiên cứu đổi mới sáng tạo, thương mại, dịch vụ, du lịch, sinh thái, văn hóa, phát triển nông nghiệp công nghệ cao.

- Thị xã Ea Kar (cực tăng trưởng phía Đông): Là trung tâm công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm gắn với vùng sản xuất lúa, hoa màu, chăn nuôi gia súc... chất lượng cao. Có tiềm năng phát triển du lịch, dịch vụ thương mại với lợi thế về giao thông.

- Thị trấn Ea Drăng và phụ cận, huyện Ea H'leo (cực tăng trưởng mới phía Bắc): đóng vai trò là đô thị cửa ngõ phía Bắc của tỉnh, là đô thị đầu mối giao thương kết nối không chỉ với các trung tâm của 2 tỉnh Gia Lai - Đắk Lắk mà còn kết nối với thị xã Buôn Hồ, thành phố Buôn Ma Thuột và gắn với trục hành lang Quốc lộ 14, cao tốc Ngọc Hồi - Chơn Thành, trục liên kết Đông - Tây, trực tiếp thông thương hàng hóa ra khu vực cảng biển.

c) Ba hành lang động lực, gồm:

- Hành lang kinh tế tổng hợp (Quốc lộ 14): có vai trò thúc đẩy phát triển liên kết, trung chuyển, giao thương KT-XH của tỉnh Đắk Lắk. Phát triển về nông nghiệp và công nghiệp, thương mại – đô thị - dịch vụ.

- Hành lang nông nghiệp công nghệ cao, kinh tế dịch vụ và du lịch (Quốc lộ 29): là trục chính phát triển KT-XH quan trọng phía Đông/Bắc tỉnh.

- Hành lang phía Đông (Quốc lộ 26 và đường cao tốc Khánh Hoà – Buôn Ma Thuột): Hình thành các chức năng dịch vụ du lịch và trung chuyển hàng hoá.

d) Ba vùng, gồm:

- Vùng Trung tâm: gồm thành phố Buôn Ma Thuột, các huyện Cư M'gar, Krông Pắc, Cư Kuin, Krông Ana và Buôn Đôn là tiểu vùng động lực đóng vai trò quan trọng nhất của tỉnh, vùng đô thị hóa tập trung của tỉnh với thành phố Buôn Ma Thuột là trung tâm và các khu vực phụ cận.

- Vùng phía Bắc: gồm thị xã Buôn Hồ và các huyện Ea Súp, Ea H'leo, Krông Năng, Krông Búk là tiểu vùng kinh tế đóng vai trò quan trọng trong liên kết phát triển giữa Đắk Lắk với các tỉnh Bắc Tây Nguyên, đồng thời là cửa ngõ quan trọng của tỉnh kết nối với các tỉnh vùng Duyên hải Miền Trung gần với hành lang kinh tế Bắc - Nam.

- Vùng phía Đông Nam: gồm các huyện Ea Kar, M'Đrăk, Krông Bông, Lắk có vai trò quan trọng về văn hóa và môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, đóng góp vào sự phát triển của ngành du lịch, nông lâm nghiệp của tỉnh.

VII. Phương án quy hoạch hệ thống đô thị và tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn:

1. Định hướng sắp xếp các đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp huyện, xã

Đến năm 2025: Thực hiện sắp xếp đối với các ĐVHC cấp huyện, cấp xã có đồng thời cả 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 70% quy định; ĐVHC cấp huyện đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 200% quy định; ĐVHC cấp xã đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 300% quy định.

Trên cơ sở rà soát tiêu chuẩn về diện tích và dân số các đơn vị hành chính cấp xã có 04 đơn vị hành chính thuộc diện phải nghiên cứu phương án sắp xếp gồm: xã Hòa Tân (Huyện Krông Bông), xã Ea Blang (Thị xã Buôn Hồ) và phường Thắng Lợi, phường Thống Nhất (TP. Buôn Ma Thuột).

Giai đoạn 2026-2030, thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện cấp xã còn lại có đồng thời cả 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 100% quy định đơn vị hành chính cấp huyện đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 30% và quy mô dân số dưới 200% quy định đơn vị hành chính cấp xã đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên 30% và quy mô dân số dưới 300% quy định.

Trên cơ sở rà soát tiêu chuẩn về diện tích và dân số các đơn vị hành chính cấp huyện trong tỉnh hiện nay theo điểm a,c, khoản 2, điều 1, chương 1 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 không có đơn vị nào thuộc diện phải sắp xếp.

Đối với đơn vị hành chính cấp xã có 06 đơn vị hành chính thuộc diện phải nghiên cứu phương án sắp xếp gồm: Phường Thành Công, thành phố Buôn Ma

Thuột; thị trấn M'Drăk, huyện M'Drăk; xã Tân Lập và xã Ea Ngai, huyện Krông Búk; xã Hòa Thành, huyện Krông Bông; xã Buôn Tría, huyện Lắk.

Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số của ĐVHC thực hiện theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC. Việc lập và thực hiện quy hoạch sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030 ngoài tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số cần phải tính đến kết quả sắp xếp giai đoạn trước, ĐVHC ổn định từ lâu, có vị trí biệt lập, có các yếu tố đặc thù và các ĐVHC nông thôn đã được quy hoạch thành ĐVHC đô thị.

Phạm vi ranh giới cụ thể của từng ĐVHC cấp huyện, cấp xã phải phù hợp với từng giai đoạn phát triển của thời kỳ quy hoạch tỉnh.

2. Phương án quy hoạch hệ thống đô thị

Đến năm 2030, hệ thống đô thị tỉnh có 31 đô thị, gồm: 01 đô thị loại I trực thuộc tỉnh là thành phố Buôn Ma Thuột; 01 đô thị loại III là thị xã Buôn Hồ; 05 đô thị loại IV là thị xã Ea Kar, thị trấn Phước An, thị trấn Buôn Trấp, thị trấn Ea Drăng, thị trấn Quảng Phú, thị trấn Ea Pók; 23 đô thị loại V.

- Phát triển thành phố Buôn Ma Thuột trở thành đô thị trung tâm vùng Tây Nguyên, phát triển theo hướng xanh, sinh thái, thông minh, mang bản sắc riêng. Phát triển đô thị thông minh gắn với thực hiện chuyển đổi số với ba nội dung chính bao gồm chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

- Phát triển thị xã Buôn Hồ là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật và du lịch vùng phía Bắc của tỉnh. Có vị trí quan trọng về an ninh, quốc phòng.

- Phát triển thị xã Ea Kar là đô thị trung tâm tiểu vùng phía Đông của tỉnh, là hạt nhân thu hút nguồn lực xã hội, chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế, phát triển kinh tế - xã hội của tiểu vùng và của tỉnh.

3. Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn

- Tổ chức, bố trí, sắp xếp, ổn định dân cư nông thôn phù hợp quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, quy hoạch đô thị - nông thôn, quy hoạch nông thôn mới; Đảm bảo bền vững, định cư lâu dài, giảm thiểu những thiệt hại tiềm ẩn do thiên tai gây ra.

- Quy hoạch mở rộng, quy hoạch mới, sắp xếp khu dân cư nông thôn đồng bộ với hạ tầng giao thông, cấp điện, cấp thoát nước, có tính đến tiếp cận các dịch vụ xã hội giáo dục, y tế.

- Đối với các điểm dân cư được quy hoạch phát triển du lịch: Quy hoạch quy mô các lô đất có diện tích lớn để phát triển các chức năng, mô hình kinh doanh du lịch, dịch vụ. Đối với các khu vực làng nghề: Quy hoạch theo hướng bảo tồn kết hợp với phát triển du lịch, dịch vụ thương mại.

VIII. Phương án phát triển các khu chức năng:

1. Phương án phát triển khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp

a) Khu kinh tế

Chuẩn bị các điều kiện để thành lập khu kinh tế cửa khẩu Đắk Ruê trước năm 2030.

b) Khu công nghiệp, cụm công nghiệp

Quy hoạch hệ thống các khu, cụm công nghiệp hợp lý về không gian lãnh thổ, khai thác thực hiện tiềm năng, lợi thế của tỉnh và bảo đảm phát triển bền vững. Phát triển đồng bộ giữa hạ tầng kỹ thuật khu, cụm công nghiệp với hệ thống hạ tầng xã hội cùng các dịch vụ phục vụ người lao động. Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác thu hút đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư có nguồn lực tài chính, công nghệ tiên tiến, quản trị hiện đại; thu hút đầu tư vào các ngành có hàm lượng công nghệ cao, thân thiện môi trường, giá trị gia tăng cao.

Đến năm 2030, tổng diện tích phát triển khu công nghiệp của tỉnh là 657,33ha với 02 khu công nghiệp là Hòa Phú diện tích 331,73 ha và khu công nghiệp Phú Xuân với diện tích là 325,6 ha. Đồng thời chuẩn bị các điều kiện để hình thành các khu công nghiệp tiềm năng khác là M'Đrăk, Ea Kar, Ea H'leo để thu hút đầu tư.

Đến năm 2030 toàn tỉnh có 26 cụm công nghiệp với tổng diện tích là khoảng 1.656,16 ha. Trong đó thành phố Buôn Ma Thuột có 04 cụm công nghiệp; huyện Ea Kar, M'Đrăk mỗi huyện có 03 cụm công nghiệp; huyện Krông Búk, Krông Bông, Lắk mỗi huyện có 02 cụm công nghiệp; các huyện còn lại mỗi huyện có 01 cụm công nghiệp.

2. Phương án phát triển khu công nghệ cao

Đến năm 2030, phát triển trên địa bàn tỉnh các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại thành phố Buôn Ma Thuột và 02 huyện: Cư M'gar, Krông Búk. Phát triển các Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trở thành các hạt nhân lan tỏa, thúc đẩy gia tăng chất lượng, khả năng cạnh tranh, trình độ nông nghiệp của tỉnh.

3. Phương án phát triển khu nghiên cứu, đào tạo

Kết nối các hoạt động sản xuất với hoạt động đổi mới công nghệ, phát triển và ứng dụng chuyển giao công nghệ mới. Hỗ trợ và tiếp thu, thương mại hóa các sản phẩm nghiên cứu. Hình thành Trung tâm đổi mới sáng tạo tại thành phố Buôn Ma Thuột; Trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D) gắn với các Khu công nghiệp Phú Xuân, các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Xây dựng Trung tâm nghiên cứu, thực nghiệm sản xuất giống cây trồng vật nuôi được bố trí ở thành phố Buôn Ma Thuột, huyện Cư M'gar, huyện Ea Kar, huyện Krông Bông phục vụ hai vùng sản xuất lớn của khu vực.

Đối với các trung tâm đào tạo: Mở rộng hệ thống hướng nghiệp đến tất cả các huyện trong tỉnh, nâng cao trình độ học vấn của tất cả người lao động lên

mức tối thiểu đạt trình độ được cấp các chứng chỉ nghề. Tiếp tục phát triển các trường đại học tại thành phố Buôn Ma Thuột. Xây dựng phân khu đại học tại thành phố Buôn Ma Thuột để thu hút đầu tư của các phân hiệu đại học lớn của quốc gia, các doanh nghiệp đầu tư về đào tạo đại học. Xây dựng và phát triển trường Cao đẳng Đắk Lắk thành trường chất lượng cao. Xây dựng trường Đại học Y Dược.

4. Phương án phát triển khu du lịch

- Ưu tiên phát triển không gian Trung tâm thành phố Buôn Ma Thuột-với vị thế là Trung tâm du lịch vùng Tây Nguyên, có lợi thế của Cảng hàng không Buôn Ma Thuột; là trung tâm đón tiếp và phân phối khách du lịch đến các địa bàn khác trong tỉnh; đồng thời là trung tâm phục vụ hội nghị, hội thảo, kết nối với các địa phương trong vùng Tây Nguyên, với cả nước và các nước trong hành lang kinh tế Đông Tây. Hình thành thí điểm khu phố đêm cho các hoạt động văn hóa, vui chơi giải trí, dịch vụ ăn uống, mua sắm và du lịch.

- Đối với khu vực phía Tây Bắc bao gồm các huyện Buôn Đôn, Ea Súp, Cư M'gar và phụ cận: Đây là khu vực tập trung nhiều tài nguyên du lịch đặc sắc của Đắk Lắk, có thể tạo nên các sản phẩm du lịch đặc thù, hấp dẫn. Các tài nguyên du lịch tiêu biểu bao gồm: Vườn quốc gia Yok Đôn với hệ sinh thái rừng khộp đặc trưng gắn với voi là loài đặc hữu của Việt Nam, đồng thời cũng được xác định là khu du lịch quốc gia; hệ sinh thái nông nghiệp nông thôn gắn với các trang trại cà phê, vườn cây đặc sản (bơ, sầu riêng...); các giá trị văn hóa của các dân tộc tại chỗ...

- Đối với khu vực phía Nam bao gồm các huyện Lắk, Krông Bông và phụ cận) có tài nguyên thế mạnh nổi trội là Hồ Lắk, một trong những hồ nước tự nhiên đẹp nhất của khu vực Tây Nguyên; vườn quốc gia Chư Yang Sin với tính đa dạng sinh học cao; các di sản văn hóa bản địa gắn với Buôn Jun, Buôn M'liêng...

- Đưa danh lam thắng cảnh vào danh sách khai thác phục vụ du lịch: Thác Thủy Tiên tại xã Ea Púk, danh lam thắng cảnh thác Sơn Long tại xã Ea Tam, khu du lịch thác Thủy Vân tại xã Phú Lộc, khu văn hóa chợ tình Việt Bắc tại xã Ea Tam, khu du lịch đập Đông Hồ tại thị trấn Krông Năng, vườn quốc gia Ea Sô.

5. Phương án phát triển khu thể thao, văn hóa

Phát triển 01 Khu liên hợp thể thao vùng Tây Nguyên tại thành phố Buôn Ma Thuột. Phát triển 04 sân golf tại hồ Ea Kao, hồ Ea Nhái, hồ Lắk, Buôn Đôn; Nghiên cứu hình thành các khu vui chơi thể thao mạo hiểm.

Xây dựng Trung tâm Văn hóa tỉnh thành kiến trúc văn hóa tiêu biểu của tỉnh là điểm đến thăm quan, thưởng thức văn hóa nghệ thuật đặc trưng của vùng Tây Nguyên; Xây dựng Nhà hát ca múa nhạc tỉnh Đắk Lắk. Nâng cấp nhà Bảo tàng Đắk Lắk là điểm đến du lịch hấp dẫn, trung tâm nghiên cứu văn hóa vùng Tây Nguyên. Mở rộng diện tích khai quật di chỉ khảo cổ học Thác Hai, xã Ia

Jloi, huyện Ea Súp; khảo sát quy hoạch các khu vực có di chỉ khảo cổ để khoanh vùng, bảo vệ, thu thập những tư liệu và hiện vật nhằm phục vụ công tác nghiên cứu và từng bước làm sáng tỏ về thời Tiền sử trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk nói riêng và Tây Nguyên nói chung. Bảo tồn các giá trị văn hóa bản địa Buôn Jun, Buôn M'liêng. Bảo tồn và phát triển đàn voi ở Buôn Jun.

6. Phương án phát triển các khu bảo tồn, khu vực cần được bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh

a) Vườn Quốc gia, Khu bảo tồn:

Đến năm 2030, hệ thống Vườn Quốc gia, Khu bảo tồn trên địa bàn tỉnh gồm Vườn Quốc gia Yok Đôn, Vườn Quốc gia Chư Yang Sin, Vườn Quốc gia Ea Sô (nâng hạng từ Khu Bảo tồn thiên nhiên), Khu Văn hóa - Lịch sử - Môi trường hồ Lắk, Khu Bảo tồn thiên nhiên Nam Kar. Định hướng tập trung bảo vệ các hệ sinh thái rừng núi cao Tây Nguyên, bảo vệ đa dạng sinh học, bảo tồn các loài động, thực vật hoang dã, đặc biệt là các loài đặc hữu và quý hiếm. Khuyến khích các hoạt động nghiên cứu khoa học, giáo dục môi trường, phát triển du lịch sinh thái... Bảo vệ rừng đầu nguồn thủy điện Buôn Tua Sar - Nam Kar, sông Krông Nô, sông Sêrêpôk, sông Mê Kông, điều hoà và cung cấp nguồn nước cho sản xuất nông nghiệp.

b) Các khu bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh

Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Nhà đày Buôn Ma Thuột; Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Đường Trường Sơn - Đường Hồ Chí Minh; các di tích quốc gia: Hang đá buôn Đắk Tuar; Khu căn cứ kháng chiến tỉnh Đắk Lắk (1965-1975); Số 04 Nguyễn Du (Biệt điện Bảo Đại); Đồn điền CADA; Đình Lạc Giao; Trụ sở Ủy ban khởi nghĩa tỉnh Đắk Lắk năm 1945; Di tích Quân đoàn 3... là những di tích lịch sử phản ánh lại những trang sử hào hùng của đồng bào các dân tộc Đắk Lắk qua các thời kỳ; bên cạnh đó còn nhiều di tích danh lam thắng cảnh cần kêu gọi thu hút đầu tư tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị của các di tích gắn với phát triển du lịch của địa phương. Ngoài ra, còn có những công trình kiến trúc, văn hóa độc đáo như di tích Tháp Yang Prông, Bảo tàng Đắk Lắk, Bảo tàng Thế giới Cà phê và nhiều di tích danh lam thắng cảnh độc đáo, mang đậm dấu ấn đại ngàn Tây Nguyên.

7. Phương án phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung

a) Tổ chức không gian các vùng trồng trọt:

- Tiểu vùng bình nguyên Ea Súp: Phát triển các vùng chuyên canh các vùng các loại cây trồng: điều, lúa nước, cây ăn quả, dược liệu...

- Tiểu vùng cao nguyên Buôn Ma Thuột - Ea H'leo: Phát triển các vùng chuyên canh sản xuất hàng hoá với các loại cây dài ngày như cà phê, cao su, hồ tiêu, macca, sầu riêng...

- Tiểu vùng đồi núi và cao nguyên M'Đrăk: Phát triển các vùng chuyên canh cây công nghiệp như: ca cao, cây ăn trái và trồng rừng...

- Tiểu vùng đồng bằng sông Krông Ana - Sêrêpôk: Phát triển các vùng chuyên canh sản xuất lương thực tập trung như lúa, ngô...

- Tiểu vùng núi cao Chư Yang Sin: Phát triển các hoạt động khai thác kinh tế từ lâm nghiệp, nông lâm kết hợp.

b) Phân bố không gian các vùng chăn nuôi: Phát triển chăn nuôi theo hướng chăn nuôi tập trung, quy mô lớn, áp dụng công nghệ tiên tiến. Đa dạng hóa hình thức như chăn nuôi nông hộ, trang trại. Trong đó, chú trọng phát triển chăn nuôi theo hướng trang trại công nghiệp hiện đại gắn với xây dựng các cơ sở giết mổ tập trung, xây dựng vùng an toàn dịch bệnh, không gây ô nhiễm môi trường, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm và tăng khả năng cạnh tranh của ngành chăn nuôi. Phát triển đàn trâu của tỉnh tập trung chủ yếu ở các huyện Ea Kar, huyện Krông Bông, huyện Krông Búk, huyện Ea Súp, huyện Buôn Đôn, huyện Krông Năng và huyện Lắk. Phát triển đàn bò ở các huyện Ea Kar, huyện M'Đrăk, huyện Krông Pắc, huyện Krông Bông, huyện Lắk, huyện Ea Súp, huyện Cư M'gar, huyện Ea H'leo, huyện Cư Kuin và huyện Buôn Đôn. Phát triển ong lấy mật tập trung chủ yếu ở các huyện Cư M'gar, Krông Búk, Buôn Hồ, Ea H'leo, Krông Năng, Krông Pắc, thành phố Buôn Ma Thuột. Phát triển đàn lợn, gia cầm ở huyện Ea Súp, huyện M'Đrăk và các huyện còn dư địa phát triển.

c) Phân bố không gian vùng nuôi thủy sản: Phát triển nuôi trồng thủy sản hồ chứa, đặc biệt phát triển các loài thủy sản có giá trị kinh tế, bản địa, đặc hữu và cá nước lạnh tại khu vực phía Tây Nam huyện Krông Bông, huyện Lắk. Chuyển đổi nghề khai thác thủy sản tự do, sang nghề khai thác thủy sản có quản lý chặt chẽ. Tăng cường quản lý tốt hơn các phương tiện khai thác.

d) Phương án phát triển vùng lâm nghiệp: Mở rộng Khu Bảo tồn thiên nhiên Ea Sô về phía Tây, Sáp nhập Ban Quản lý rừng phòng hộ Krông Năng, Khu Bảo tồn thiên nhiên Ea Sô để thành lập Khu Bảo tồn thiên nhiên Ea Sô mới; chuyển đổi một phần diện tích rừng phòng hộ sang rừng đặc dụng và dự kiến nâng hạng thành Vườn quốc gia Ea Sô; Chuyển diện tích rừng sản xuất nằm dọc biên giới Việt Nam - Campuchia tại huyện Ea Súp hiện do Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh quản lý phát triển thành rừng phòng hộ biên giới; chuyển phần diện tích rừng sản xuất của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Lắk thành rừng phòng hộ để thành lập Ban Quản lý rừng phòng hộ Lắk, bảo vệ nghiêm ngặt các diện tích rừng tự nhiên; các diện tích rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, phục hồi và nâng cao chất lượng các loại rừng; khuyến khích phát triển rừng sản xuất, tạo cơ chế để thu hút nguồn lực đầu tư phát triển rừng.

đ) Định hướng phát triển các khu, vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu chăn nuôi tập trung, trang trại trồng trọt, vùng nuôi trồng thủy sản, các nhà máy chế biến sâu ... quy mô lớn, áp dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại ở những địa phương có điều kiện phù hợp.

8. Phương án phát triển thương mại dịch vụ logistic

- Chợ đầu mối: Xây dựng chợ đầu mối tại thành phố Buôn Ma Thuột; Xây dựng chợ đầu mối tại thị xã Buôn Hồ, huyện Ea Kar, huyện Ea H'leo.

- Trung tâm logistics: Phát triển 05 Trung tâm logistics tại thành phố Buôn Ma Thuột, huyện Krông Pắc, huyện Krông Búk, huyện Ea H'leo và huyện Ea Kar.

- Cảng cạn: Phát triển 01 Cảng cạn kết hợp trung tâm logistics tại huyện Krông Búk.

- Kho xăng dầu: Quy hoạch 04 kho xăng dầu tại huyện Krông Pắc trên Quốc lộ 26, huyện Krông Búk trên Quốc lộ 29, thành phố Buôn Ma Thuột và trên đường Hồ Chí Minh.

9. Phương án phát triển khu quân sự, an ninh

Quy hoạch đến năm 2030, diện tích đất quốc phòng, đất an ninh phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo xây dựng thể trận quốc phòng trong khu vực phòng thủ tỉnh vững chắc, các khu vực sẵn sàng phục vụ cho nhiệm vụ quốc phòng; đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ an ninh, giữ gìn trật tự an toàn xã hội từng khu vực, địa phương trên địa bàn tỉnh.

Việc bố trí xây dựng các công trình quân sự, an ninh trên địa bàn được thực hiện theo các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

10. Phương án phát triển các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn

- Về phát triển kinh tế: Thúc đẩy thực hiện Chương trình nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Thực hiện tốt chính sách khuyến nông, khuyến lâm, khuyến khích sản xuất, phổ biến tri thức kinh doanh, kỹ thuật, hình thành các mô hình liên kết phát triển kinh tế bền vững. Bố trí nguồn tín dụng lãi suất ưu đãi dành cho các đối tượng tại địa bàn khó khăn theo chính sách ưu đãi tín dụng.

- Về phát triển cơ sở hạ tầng: Đầu tư xây dựng, kiên cố hóa hệ thống đường giao thông nông thôn, kết nối giao thông nông thôn với các trục đường huyện, đường tỉnh; Xây dựng mới, kiên cố hóa công trình thủy lợi mở rộng hệ thống cấp nước sạch.

- Về phát triển văn hóa, xã hội: Đầu tư hoàn thiện mạng lưới y tế, nâng cao năng lực khám chữa bệnh; nâng cấp, xây dựng mới cơ sở hạ tầng giáo dục các cấp; thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội (bảo hiểm, y tế, giáo dục, tài chính), chính sách ưu đãi đối với các đối tượng khu vực khó khăn; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực bảo tồn phát huy giá trị bản sắc dân tộc.

IX. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật

1. Phương án phát triển mạng lưới giao thông vận tải

a) Về đường bộ:

- Các tuyến đường tỉnh: Đến năm 2030 đường tỉnh có khoảng 26 tuyến, với tổng chiều dài khoảng 1.103 km; quy mô đạt tối thiểu cấp IV, 2-4 làn xe, đường đô thị. Định hướng đến năm 2050 có khoảng 44 tuyến, với tổng chiều dài khoảng 1.670 km; quy mô đạt tối thiểu cấp III, 2-4 làn xe, đường đô thị; nhựa hóa hoặc bê tông hóa mặt đường đạt 100%.

- Các tuyến đường huyện: Đến năm 2030, các tuyến đường huyện đạt khoảng 1.825km; quy mô đạt tối thiểu cấp IV-V, đường đô thị. Định hướng đến năm 2050 đạt khoảng 3.045 km, quy mô đạt tối thiểu cấp IV, đường đô thị; nhựa hóa hoặc bê tông hóa mặt đường đạt 100%.

- Các tuyến đường xã: Đến năm 2030, tổng chiều dài đường xã khoảng 3.580 km; quy mô đạt tối thiểu cấp V. Định hướng đến năm 2050 đạt khoảng 6.090 km; quy mô đạt tối thiểu cấp IV, đường đô thị; nhựa hóa hoặc bê tông hóa mặt đường đạt 100%.

- Các tuyến đường vành đai, tránh và đường nối đạt khoảng 197 km; quy mô đạt tối thiểu cấp IV và đường đô thị.

- Bến xe: Đến năm 2030, bến xe sẽ phân bố đều trên các huyện, thị xã, thành phố của tỉnh, đảm bảo các đô thị loại IV trở lên có ít nhất 02 bến xe khách và đạt loại 3; các đơn vị hành chính còn lại có ít nhất 01 bến xe khách và đạt loại 4. Định hướng xây dựng các bến xe tích hợp (xe khách, xe tải). Ưu tiên đầu tư xây dựng bến xe tại các huyện chưa có bến xe.

b) Về đường thủy nội địa:

- Luồng tuyến đường thủy nội địa: Đến năm 2050 hình thành 02 tuyến trên sông Krông Ana tổng chiều dài 55 km và 02 tuyến trên sông Krông Nô tổng chiều dài 44 km phục vụ vận tải hàng hóa và hành khách. Và đẩy mạnh khai thác vận tải hành khách trên lòng hồ phục vụ phát triển du lịch.

- Quy hoạch bến thủy nội địa gồm: 03 bến đò ngang trên sông Krông Ana và Krông Nô; 02 bến đò ngang kết hợp đò dọc trên sông Krông Ana; Các bến du lịch vùng hồ có tiềm năng du lịch, có khả năng tổ chức các hoạt động thể thao, vui chơi giải trí dưới nước. Đầu tư phát triển các Bến cát.

c) Về cảng hàng không, sân bay

Nâng cấp sân bay Buôn Ma Thuột lên cấp 4C và quân sự cấp I. Công suất phục vụ hành khách đến năm 2030 là 5,0 triệu HK/năm.

2. Phương án phát triển mạng lưới cấp điện

a) Nguồn điện

- Tiếp tục triển khai các dự án thủy điện, điện gió, điện mặt trời đã được phê duyệt quy hoạch nhưng phải đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật, phù hợp với Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII.

- Phát huy tối đa tiềm năng năng lượng tái tạo (thủy điện, điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối) của tỉnh để sản xuất điện và năng lượng mới (hydro, amoniac xanh,...); Ưu tiên, khuyến khích phát triển điện gió, điện mặt trời tự sản

tự tiêu; khai thác thủy điện trên các hồ thủy lợi, hồ chứa nước để tận dụng nguồn thủy năng; thủy điện tích năng; dự án thủy điện đảm bảo môi trường, bảo vệ rừng, an ninh nguồn nước; phát triển năng lượng tái tạo trở thành một ngành kinh tế mang lại hiệu quả kinh tế cao cho tỉnh.

b) Phát triển lưới điện

- Phát triển đồng bộ lưới điện truyền tải và phân phối trên địa bàn tỉnh đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Phát triển lưới điện truyền tải đồng bộ với tiến độ các nguồn điện; phát triển lưới điện thông minh để tích hợp các nguồn năng lượng tái tạo ở quy mô lớn của tỉnh; góp phần hỗ trợ cung cấp điện cho các khu vực lân cận trong toàn quốc.

- Phát triển lưới điện 220kV, 110kV và hoàn thiện lưới điện khu vực nhằm nâng cao độ ổn định, độ tin cậy cung cấp điện, giảm tối thiểu tổn thất điện năng.

- Xây dựng các đường dây truyền tải điện có dự phòng cho phát triển lâu dài trong tương lai, sử dụng cột nhiều mạch, nhiều cấp điện áp đi chung trên một hàng cột để giảm diện tích chiếm đất. Đối với thành phố, thị xã, các trung tâm phụ tải lớn, sơ đồ lưới điện phải có độ dự trữ và tính linh hoạt cao hơn;

- Xây dựng hệ thống lưới điện đồng bộ, thực hiện việc hiện đại hóa, thông minh, vận hành hiệu quả, ổn định, tin cậy; từng bước ngầm hóa lưới điện tại các huyện, thị xã, thành phố, hạn chế tác động xấu đến cảnh quan, môi trường.

3. Phương án phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông

a) Phát triển mạng lưới bưu chính

Hiện đại hóa mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước bảo đảm an toàn, an ninh và chất lượng dịch vụ bưu chính KT1; Phát triển Trung tâm bưu chính vùng đặt tại Đắk Lắk, phục vụ các tỉnh Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk; Phát triển cơ sở dữ liệu địa chỉ số tỉnh và cơ sở dữ liệu chuyên ngành bưu chính kết nối với Cổng dữ liệu của tỉnh Đắk Lắk về bưu chính; Xây dựng các nền tảng quản lý, vận hành kho bãi, chuyển phát, địa chỉ số gắn với bản đồ số tỉnh Đắk Lắk... kết nối giữa chủ hàng, các nhà giao vận và khách hàng.

b) Phát triển hạ tầng số

- Phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số theo hướng tạo lập dữ liệu mở; cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; xây dựng thành phố Buôn Ma Thuột trở thành trung tâm chuyển đổi số; tỉnh Đắk Lắk trở thành trọng tâm phát triển kinh tế số trong lĩnh vực công nghiệp chế biến nông, lâm sản, dịch vụ thương mại và xuất khẩu; phát triển doanh nghiệp công nghệ số với sản phẩm công nghệ số, công nghiệp 4.0, nội dung số, công nghiệp sáng tạo, kinh tế nền tảng, kinh tế chia sẻ, thương mại điện tử và sản xuất thông minh. Phát triển xã hội số theo hướng, tập trung chuyển đổi kỹ năng và chuẩn bị nguồn nhân lực cho chuyển đổi số. Xây dựng và nâng cấp hạ tầng cáp quang tốc độ cao, mạng 4G và 5G có phạm vi phủ sóng rộng đến từng thôn, bản, hộ gia đình; Chuyển

đổi toàn bộ hạ tầng kết nối Internet sang ứng dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6).

c) Ứng dụng công nghệ thông tin

- Ứng dụng CNTT phục vụ chính phủ số, kinh tế số, xã hội số theo hướng chuyển đổi các thủ tục hành chính sang không gian số, do chính quyền quản lý. Ưu tiên bố trí nguồn lực để phát triển các ứng dụng theo danh mục nền tảng số quốc gia. Thực hiện mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk theo quy định của pháp luật.

- Ứng dụng CNTT đảm bảo an toàn thông tin mạng phục vụ phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và quốc phòng, an ninh theo hướng phát triển hạ tầng an toàn thông tin mạng đồng bộ, thống nhất. Ưu tiên bảo đảm an toàn thông tin cho lĩnh vực Hạ tầng số; Phát triển các hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho các nhu cầu nâng cao, phối hợp Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức thực hiện đẩy mạnh hoạt động bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

d) Phát triển công nghệ thông tin theo các hướng

- Hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số phát triển sản phẩm số trọng điểm của tỉnh, trở thành đơn vị trụ cột của hệ sinh thái doanh nghiệp công nghệ số; Phát triển 3-5 nền tảng công nghệ số dùng chung; Đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử, thanh toán trực tuyến. Tăng cường sử dụng các ứng dụng nền tảng xã hội trong nước thực hiện; Triển khai các hoạt động kết nối các nhà đầu tư, các doanh nghiệp quốc tế với các doanh nghiệp CNTT khởi nghiệp.

- Tạo môi trường về pháp luật và các cơ chế, chính sách thuận lợi cho doanh nghiệp số phát triển bình đẳng và cạnh tranh lành mạnh.

- Bố trí ngân sách địa phương, đồng thời huy động nguồn kinh phí từ xã hội, cho hoạt động phát triển công nghiệp CNTT, điện tử viễn thông tại địa phương.

đ) Phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động

- Duy trì hoạt động hệ thống điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng hiện có; Phát triển thêm các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng tại các huyện, thị xã và thành phố.

- Phát triển mới các trạm BTS 4G. Thực hiện ngầm hóa hạ tầng mạng cáp viễn thông khu vực đô thị trên toàn tỉnh, theo tuyến đường phố, năm 2030 đạt 25-30%; Phát triển cáp quang băng rộng đến 100% thôn/xóm/bản.

- Đến năm 2030, cải tạo, chuyển đổi 100% hệ thống cột ăng ten thu phát sóng thông tin di động loại A2 sang loại cột ăng ten A1 hoặc cột ăng ten có kích thước nhỏ gọn, thân thiện với môi trường.

4. Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước, thoát nước

a) Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi

Phát triển công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai kết hợp đồng bộ với công trình giao thông, công trình hạ tầng khác theo hướng đa mục tiêu, bảo đảm an ninh nguồn nước. Nâng dần mức đảm bảo cấp nước cho nông nghiệp, cấp nước sinh hoạt, công nghiệp; đảm bảo tiêu thoát lũ sớm, lũ muộn, bảo vệ sản xuất; chủ động phòng tránh, giảm nhẹ thiệt hại do lũ chính vụ gây ra.

Nghiên cứu, đề xuất phương án tạo nguồn, tích trữ, điều hòa nguồn nước đảm bảo cấp nước đến năm 2030: Cấp nước tưới chủ động cho diện tích lúa 2 vụ với tần suất đảm bảo 75-85%; kết hợp các giải pháp tưới tiết kiệm nước; Cấp nước tưới đảm bảo cho 70% diện tích cây trồng cạn, nâng dần tần suất đảm bảo tưới cho rau màu lên 90%, cây ăn quả và cây công nghiệp lâu năm 90% đến 95%.

Xây dựng mới các hồ chứa, đập dâng lớn, ưu tiên triển khai hồ Krông Năng, Ea Khal và các hồ trọng điểm của tỉnh. Nghiên cứu xây dựng hệ thống kết nối điều hòa nguồn nước kết hợp với các công trình thủy lợi vừa, nhỏ, phân tán.

Duy trì các công trình thủy lợi hiện có; cải tạo, nâng cấp sửa chữa, xây mới các công trình hồ chứa, đập dâng, mương tự chảy và trạm bơm các loại tại các lưu vực sông Krông Ana, sông Sêrêpôk, sông Krông Nô, Krông Năng, Ea H'leo, sông Ba để phục vụ sinh hoạt, tưới tiêu trong sản xuất nông nghiệp. Nghiên cứu, đầu tư xây dựng các công trình phòng chống lũ, ngập lụt kết hợp các giải pháp phi công trình đối với vùng thường xuyên xảy ra ngập lụt Lắc - Buôn Trấp, Ea Súp lưu vực sông Sêrêpôk; xây dựng các trạm bơm tiêu, bơm tưới tiêu kết hợp đối với vùng tiêu Lắc - Buôn Trấp, nạo vét khơi thông dòng chảy các suối đổ vào suối Ea Mơ, Ea H'leo vùng tiêu Ea Súp và một số địa bàn khác.

Xây dựng và hoàn thiện các công trình lớn, liên huyện đồng bộ với công trình giao thông, công trình hạ tầng khác theo hướng phục vụ đa mục tiêu, cấp nước cho các khu, cụm công nghiệp, đô thị kết hợp với triển khai các công trình cấp bách chống hạn. Nghiên cứu khai thác hiệu quả nguồn nước các hồ thủy điện để bổ sung nguồn nước cho các công trình thủy lợi và cấp nước sinh hoạt, sản xuất tại các vùng khan hiếm nước.

Phát triển hệ thống ao, hồ nhỏ và các công trình trữ nước quy mô hộ gia đình, công trình thu trữ nước trên đất dốc; ứng dụng tưới tiên tiến, tiết kiệm nước để mở rộng diện tích tưới; khai thác hợp lý và bảo vệ tài nguyên nước ngầm; vận hành các hồ chứa trên dòng chính theo quy trình vận hành liên hồ chứa đảm bảo cấp nước, phát điện, giảm lũ, duy trì dòng chảy tối thiểu ở hạ du.

b) Phương án phát triển mạng lưới cấp nước

- Phương án phân vùng cấp nước:

+ Vùng Ea Súp - Ea H'leo: Bao gồm diện tích huyện Ea Súp, huyện Ea H'leo, một phần diện tích huyện Cư M'gar và một phần diện tích huyện Krông Búk. Chức năng chính là cấp nước tưới nông nghiệp, sinh hoạt, thương mại-dịch vụ và sản xuất công nghiệp.

+ Vùng lưu vực sông Ba: Bao gồm diện tích huyện Krông Năng, một phần diện tích huyện Ea Kar, huyện M'Đrăk và một phần nhỏ huyện Krông Búk. Chức năng chính là cấp nước tưới nông nghiệp, sinh hoạt, sản xuất công nghiệp.

+ Vùng lưu vực sông Sêrêpôk: Bao gồm thượng lưu sông Sêrêpôk nằm trên địa phận tỉnh Đắk Lắk. Chức năng chính là cấp nước tưới cho nông nghiệp, sinh hoạt và sản xuất công nghiệp.

- Phương án cấp nước cho các khu vực:

+ Cấp nước đô thị, điểm dân cư tập trung: đầu tư cải tạo, nâng cấp các nhà máy nước hiện có, mở rộng hệ thống cấp nước sạch đến các khu vực chưa được cung cấp đảm bảo 100% dân cư đô thị được cấp nước sạch.

+ Ưu tiên khai thác nguồn nước mặt, từng bước giảm lưu lượng khai thác nước ngầm hợp lý. Đối với các đô thị từ loại IV trở lên, tỷ lệ khai thác nước ngầm đến năm 2030 không quá 30% so với tổng công suất khai thác.

+ Hệ thống cấp nước nông thôn: Huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp các công trình cấp nước sinh hoạt phù hợp với văn hóa, tập quán, điều kiện cụ thể của từng vùng nông thôn, đồng bộ với hệ thống kết cấu hạ tầng nông thôn, đảm bảo an toàn bền vững trước tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu.

+ Hệ thống cấp nước các khu công nghiệp: Đầu tư xây dựng các công trình cấp nước cho các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; các cụm công nghiệp gần các đô thị được cung cấp nước từ các trạm cấp nước tập trung của các đô thị và đầu tư mới. Đảm bảo cung cấp nước cho phát triển công nghiệp, với công suất trên 22-23 m³/ngày đêm/ha xây dựng.

c) Phương án phát triển mạng lưới thoát nước

- Đối với khu vực nông thôn lựa chọn hệ thống thoát nước phù hợp với hệ thống tiêu thủy lợi; Hướng thoát nước theo địa hình thực tế của khu dân cư thoát ra hệ thống kênh mương, ao hồ của địa phương.

- Hệ thống thoát nước các đô thị được chia thành các lưu vực thoát nước bảo đảm thoát nước mưa nhanh và triệt để. Đối với khu vực trung tâm nội thị cũ định hướng hệ thống thoát nước mưa và thoát nước thải chung hoặc nửa chung, nửa riêng, theo chế độ thoát nước tự chảy, kết hợp bơm cưỡng bức để làm sạch cống rãnh.

- Mở rộng vùng phục vụ xử lý nước thải đô thị giai đoạn 3 tại thành phố Buôn Ma Thuột. Xây dựng mới trạm xử lý nước thải tập trung công suất từ 2.500 – 4.500m³/ngày đêm tại thị xã Buôn Hồ, đô thị Ea Kar và các đô thị loại IV trên địa bàn tỉnh.

- Phát triển hệ thống thoát nước ổn định và đồng bộ bao gồm xây dựng mạng lưới thu gom, chuyển tải và nhà máy xử lý nước thải theo từng giai đoạn. Tăng tỷ lệ đầu nổi nước thải (đô thị, khu công nghiệp) đến hệ thống xử lý nước

thải thập trung; phát huy tối đa công suất các nhà máy xử lý nước thải bảo đảm hiệu quả trong đầu tư xây dựng.

- Quản lý vận hành có hiệu quả hệ thống thoát nước mặt các đô thị trên địa bàn tỉnh được đầu tư theo định hướng xây dựng đô thị tăng trưởng xanh. Giai đoạn đến năm 2030, trên 80% hệ thống các tuyến thoát nước cấp I; sông suối, ao hồ và các điểm tiếp nhận nước mưa, nước thải đã xử lý tại khu vực đô thị được cải tạo, nâng cấp và quản lý chất lượng nước tiếp nhận đảm bảo cảnh quan, vệ sinh môi trường.

5. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải

- Cấp tỉnh: Giai đoạn đến năm 2030, xây dựng 04 khu liên hợp xử lý chất thải rắn cấp tiểu vùng, liên huyện, gồm: Khu liên hợp xử lý CTR Hòa Phú, thành phố Buôn Ma Thuột (50ha); xã Ea Drông, thị xã Buôn Hồ (12ha); xã Ea H'Dinh, huyện Cư M'gar (11ha); xã Ea Sô, đô thị Ea Kar (40ha).

- Cấp huyện: Trong giai đoạn chưa xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn quy mô tiểu vùng, vùng liên huyện. Xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn cấp huyện, đáp ứng mục tiêu tỷ lệ xử lý, đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07/5/2018

- Cấp xã: Đầu tư và xây dựng trạm trung chuyển chất thải hoặc cơ sở xử lý chất thải rắn liên xã theo quy hoạch chung nông thôn, đáp ứng tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

6. Phương án phát triển phòng cháy và chữa cháy

Phát triển hạ tầng phòng cháy và chữa cháy (PCCC) đồng bộ, hiện đại, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế xã hội của tỉnh; kết nối đồng bộ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật của quốc gia; kiểm chế sự gia tăng về cháy, nổ, bảo vệ tính mạng, sức khỏe con người và tài sản, bảo vệ môi trường. Thực hiện hiệu quả “*Đề án xây dựng lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại*”. Trong đó: Duy trì 07 Đội Chữa cháy và cứu nạn cứu hộ (CNCH) khu vực thuộc Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH; Thành lập 01 Tổ Chữa cháy và CNCH đặc biệt tinh nhuệ (kết hợp trên cạn và dưới nước) thuộc Đội Công tác chữa cháy và CNCH; Thành lập 01 Đội Cảnh sát PCCC và CNCH cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột.

X. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội

1. Phương án phát triển thiết chế văn hóa, thể thao

Phân đầu thu hẹp dần khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa thành thị và nông thôn, giữa các địa phương trong tỉnh và các giai tầng xã hội; ngăn chặn và đẩy lùi sự xuống cấp về đạo đức xã hội. Xây dựng các thiết chế văn hóa đạt tiêu chuẩn quốc gia; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh và tiến bộ, xây dựng nề nếp và nâng cao đời sống văn hóa khu dân cư; kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về văn hóa ở các cấp; gắn bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa

truyền thống với phát triển du lịch; xây dựng Bảo tàng Đắk Lắk là điểm đến du lịch hấp dẫn, trung tâm nghiên cứu văn hóa vùng Tây Nguyên.

Tại trung tâm các huyện, thị xã, thành phố đầu tư xây dựng, hoàn thiện hệ thống thiết chế nhà văn hóa, thể thao; 01 Khu liên hợp thể thao vùng Tây Nguyên; 01 nhà thi đấu cấp tỉnh; 58 nhà thi đấu, nhà tập luyện đa năng.

2. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục, giáo dục nghề nghiệp

- Giáo dục mầm non, phổ thông: Tiếp tục sắp xếp lại trường, điểm trường, lớp học đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông. Phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú. Mở rộng các trường mầm non, phổ thông ngoài công lập tại những khu vực có tốc độ đô thị hóa nhanh và các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội. Tập trung các nguồn lực xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị các trường học đáp ứng yêu cầu trường chuẩn quốc gia.

- Giáo dục thường xuyên: Đảm bảo đủ cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ xây dựng xã hội học tập, nhu cầu học tập của mọi tầng lớp nhân dân trong tỉnh.

- Giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học: Thu hút đầu tư phát triển cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng và tăng quy mô năng lực đào tạo nghề nghiệp. Đầu tư, nâng cấp trường Đại học Tây Nguyên; xây dựng phân khu đại học tại thành phố Buôn Ma Thuột để thu hút đầu tư của các phân hiệu đại học lớn của quốc gia, các doanh nghiệp đầu tư về đào tạo đại học; xây dựng và phát triển trường Cao đẳng Đắk Lắk thành trường trọng điểm đào tạo nhân lực có kỹ năng, trình độ tay nghề cao của tỉnh.

- Hình thành hệ thống giáo dục chuyên biệt, trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập cho người khuyết tật.

3. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở y tế

- Tuyến tỉnh: Đầu tư, nâng cấp 6 bệnh viện đa khoa và chuyên khoa tuyến tỉnh hiện có gồm: Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên; Bệnh viện Y học cổ truyền, Bệnh viện Mắt, Bệnh viện phổi Đắk Lắk; Bệnh viện Tâm thần và Bệnh viện Đa khoa khu vực 333, Bệnh viện Trường Đại học Tây Nguyên, Bệnh viện Công an. Phát triển các bệnh viện theo hướng mở rộng quy mô, thành lập các trung tâm trực thuộc Bệnh viện đa khoa tỉnh; Đầu tư xây dựng Trung tâm Ung bướu với quy mô 400 giường bệnh. Đầu tư xây dựng mới 04 bệnh viện tuyến tỉnh gồm: Bệnh viện Sản - Nhi với quy mô 400 giường và Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình với quy mô 400 giường bệnh, Bệnh viện điều dưỡng và phục hồi chức năng quy mô 200 giường bệnh; Bệnh viện Nhiệt đới quy mô 200 giường. Tập trung phát triển các Trung tâm chuyên sâu, gồm: Trung tâm huyết học truyền máu, Trung tâm Tim mạch và Lồng ngực, Trung tâm Thận lọc máu, Trung tâm Sàng lọc Chẩn đoán trước sinh và sơ sinh.

- Tuyến huyện: Đầu tư xây dựng, nâng cấp các Bệnh viện đa khoa, Trung tâm y tế các huyện, thị xã, thành phố theo hướng đa chức năng; Khởi dự phòng đầu tư nâng cấp các trung tâm y tế, quản lý các trạm y tế xã, phường, thị trấn. Đầu tư xây mới Bệnh viện Đa khoa hạng II thị xã Buôn Hồ, quy mô 500 giường bệnh.

- Tuyến xã: Tiếp tục củng cố và hoàn thiện mạng lưới trạm y tế xã, bảo đảm 100% số xã có trạm y tế phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và nhu cầu khám chữa bệnh tại từng xã. Tiếp tục duy trì hoạt động mạng lưới nhân viên y tế thôn buôn, phân đầu mỗi thôn buôn có 01 nhân viên y tế thôn bản hoạt động.

- Hệ thống y tế ngoài công lập: Khuyến khích phát triển hệ thống y tế ngoài công lập góp phần đáp ứng nhu cầu chăm sóc, bảo vệ sức khỏe của nhân dân.

- Thu hút các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển các Trung tâm dưỡng lão chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi với quy mô 5-10ha, đảm bảo các điều kiện theo tiêu chuẩn.

4. Phương án phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Đẩy nhanh tốc độ nghiên cứu ứng dụng, nhận chuyển giao những thành tựu của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; trong đó, ưu tiên nghiên cứu ứng dụng cho các lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chọn tạo giống, chế biến và bảo quản nông sản, công nghiệp chế biến, phát triển năng lượng tái tạo, chuyển đổi số, y - dược và thích ứng với biến đổi khí hậu theo xu thế cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, thúc đẩy nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và năng lực cạnh tranh.

5. Phương án phát triển cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng; cơ sở trợ giúp xã hội

Hình thành mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội đủ năng lực, đáp ứng nhu cầu tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ về trợ giúp xã hội, chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần trợ giúp; chữa trị, phục hồi cho người khuyết tật; xây mới Cơ sở chăm sóc người cao tuổi; nâng cấp, mở rộng và đầu tư trang thiết bị Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Đắk Lắk; xây dựng và phát triển trường Cao đẳng Đắk Lắk thành trường trọng điểm đào tạo nhân lực có kỹ năng, tay nghề cao của tỉnh; tập trung nguồn lực hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội huyện nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

XI. Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai

Đảm bảo việc sử dụng đất có hiệu quả, tiết kiệm; đảm bảo cho sự phát triển bền vững trong tương lai; tuân thủ theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; phát triển giáo dục, văn hóa, thể thao; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; tạo động lực cho sự phát triển của tỉnh. Đảm bảo bố trí sử dụng đất hợp lý, phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất đã phân bổ cho tỉnh Đắk Lắk.

XII. Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện

1. Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện

- Tổ chức không gian lãnh thổ tỉnh Đắk Lắk thành 03 vùng liên huyện, bao gồm:

+ Tiểu vùng Trung tâm: Bao gồm thành phố Buôn Ma Thuột, các huyện Cư M'gar, huyện Krông Pắc, huyện Cư Kuin, huyện Krông Ana và huyện Buôn Đôn. Dân số của tiểu vùng dự báo đến năm 2030 đạt khoảng 1.118.000 người. Tiểu vùng Trung tâm được xác định là trung tâm thương mại tổng hợp của vùng tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam; là đầu mối giao thông kết nối Đắk Lắk với các vùng kinh tế trọng điểm quốc gia, kết nối với các nước ASEAN và ra cảng biển thông qua hành lang kinh tế quốc tế là quốc lộ 26 và quốc lộ 29; là trung tâm dịch vụ Logistics của Vùng Tây Nguyên.

+ Tiểu vùng phía Bắc: Bao gồm thị xã Buôn Hồ và các huyện Ea Súp, Ea H'leo, Krông Năng, Krông Búk. Dự báo dân số của tiểu vùng đến năm 2030 đạt khoảng 546.000 người. Tiểu vùng được xác định là cửa ngõ phía Bắc của tỉnh kết nối với tiểu vùng Bắc Tây Nguyên, Tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam; Là trung tâm phát triển dịch vụ thương mại, du lịch, nông nghiệp và công nghiệp chế biến, năng lượng; Là trung tâm đầu mối về nông sản, liên kết các địa phương phía Nam Gia Lai, trung chuyển, chế biến và thương mại xuất nhập khẩu thông qua cửa khẩu và hành lang kinh tế quốc tế kết nối các nước tiểu vùng sông Mê Kông.

+ Tiểu vùng phía Đông Nam: Bao gồm các huyện Ea Kar, huyện M'Đrăk, huyện Krông Bông, huyện Lắk. Dự báo dân số của tiểu vùng đến năm 2030 đạt khoảng 418.000 người. Tiểu vùng phía Đông Nam được xác định là cửa ngõ phía Đông của tỉnh hướng ra biển, đầu mối giao lưu với các tỉnh Duyên hải Nam Trung bộ; Là tiểu vùng kinh tế động lực của tỉnh, vùng đệm sinh thái phía Đông Nam tỉnh Đắk Lắk, trung tâm du lịch văn hóa và sinh thái của tỉnh.

- Triển khai lập các quy hoạch vùng liên huyện bảo đảm phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh và theo quy định.

2. Phương án quy hoạch xây dựng các vùng huyện

a) Huyện Ea H'leo

Là trung tâm kinh tế mới của tiểu vùng kinh tế phía Bắc. Địa bàn có điều kiện về hạ tầng kết nối rất thuận lợi cho việc trao đổi kinh tế, giao lưu văn hóa và xã hội với các địa phương lân cận. Huyện Ea H'Leo có điều kiện phát triển kinh tế tổng hợp, đa dạng, nhưng mạnh nhất về nông nghiệp, năng lượng tái tạo.

b) Huyện Ea Súp

Phát triển tập trung theo các trục động lực phát triển kinh tế - xã hội (đường tỉnh). Phát huy vai trò chủ đạo trên các trục hành lang kinh tế Công nghiệp - dịch vụ - kinh tế cửa khẩu. Xây dựng đô thị động lực trên cơ sở đô thị

trung tâm huyện lỵ kết nối với các huyện Buôn Đôn, Cư M'gar và Ea H'Leo, cửa khẩu Đăk Ruê. Phát triển thương mại gắn với dịch vụ sản xuất nông nghiệp, hình thành các trung tâm hỗ trợ sản xuất và đầu mối trung chuyển, các kênh phân phối gắn với chuỗi logistics của vùng và của tỉnh.

c) Huyện Krông Năng

Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khai thác các tiềm năng du lịch sẵn có, đồng thời hoàn thiện hệ thống giao thông theo hướng đồng bộ, đối nội và đối ngoại của huyện.

d) Huyện Krông Búk

Điều kiện về đất đai tốt, khí hậu thuận lợi để phát triển cây công nghiệp lâu năm phục vụ chế biến xuất khẩu như cà phê, cao su... Phát triển dịch vụ logistic và cảng cạn gắn với hành lang đường 29, đường Hồ Chí Minh kết nối với cửa khẩu Đăk Ruê.

e) Huyện Buôn Đôn

Huyện Buôn Đôn là huyện biên giới, tiếp giáp Vương quốc Campuchia, nhiệm vụ bảo đảm an ninh, quốc phòng là rất quan trọng. Huyện có tiềm năng phát triển toàn diện, nông lâm nghiệp, công nghiệp và dịch vụ. Phát triển nông nghiệp: các loại hình trang trại, cây lương thực, thực phẩm. Phát triển ngành công nghiệp chế biến nông sản. Phát triển du lịch theo hướng chất lượng cao, khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế về cảnh quan, thiên nhiên, truyền thống, bản sắc dân tộc.

g) Huyện Cư M'gar

Là vùng kinh tế xanh, phát triển bền vững phía Bắc của TP Buôn Ma Thuột. Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững; sản xuất hàng hóa nông nghiệp chất lượng cao theo chuỗi giá trị với các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng là thế mạnh của địa phương; phát triển mạnh chăn nuôi theo hình thức trang trại, gia trại; Thu hút đầu tư để hình thành một trong những trung tâm chế biến nông lâm sản vùng cao, phát triển theo mô hình đô thị xanh, có hạt nhân là các khu công nghiệp, đô thị, dịch vụ tại Cư M'gar.

h) Huyện Ea Kar

Đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp; từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng. Thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội; tăng cường công tác nội chính. Tập trung phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; thu hút các doanh nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản. Phát triển rộng rãi mạng lưới thương mại nông thôn. Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực. Phấn đấu xây dựng, nâng cấp huyện Ea Kar lên thị xã, là trung tâm phát triển về kinh tế - xã hội phía Đông tỉnh Đăk Lăk.

i) Huyện M'Đrăk

Tháo gỡ các khó khăn của doanh nghiệp trong việc đầu tư và khai thác các tiềm năng du lịch của huyện. Hoàn thiện hệ thống giao thông đồng bộ đối nội và

đổi ngoại của huyện. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ của huyện trong hoạt động quản lý và phát triển kinh tế của huyện. Đẩy mạnh việc tái cơ cấu cây trồng nông nghiệp và đẩy mạnh hoạt động ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao trong hoạt động sản xuất nông nghiệp.

k) Huyện Krông Pắc

Phát triển công nghiệp chế biến nông lâm sản; Phát triển hạ tầng dịch vụ, tăng số lượng và mở rộng mạng lưới dịch vụ ở khu vực thị trấn và trong nông thôn, xây dựng chợ xã nhằm tạo điều kiện cho người sản xuất giao lưu buôn bán, nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành dịch vụ ở khu vực tư nhân.

l) Huyện Krông Bông

Phát triển nông nghiệp hàng hóa, ổn định, bền vững gắn với công nghiệp chế biến; từng bước phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế có đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế huyện; phát triển kết cấu hạ tầng giao thông và đô thị; Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; bảo tồn và phát huy tốt các nét đẹp văn hoá truyền thống các dân tộc; đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

m) Huyện Krông Ana

Phát triển kinh tế-xã hội nhanh và bền vững, trong đó tập trung vào phát triển nguồn nhân lực, tổ chức và sắp xếp không gian, hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; bảo vệ môi trường sinh thái và sử dụng hợp lý, có hiệu quả các loại tài nguyên.

n) Huyện Lắk

Đầu tư xây dựng và phát triển nâng cấp thị trấn Liên Sơn đạt tiêu chí đô thị loại IV. Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của huyện. Phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa đặc sản, giá trị gia tăng cao. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, trọng tâm là giao thông kết nối vùng, phát triển du lịch.

o) Huyện Cư Kuin

Xây dựng Trung tâm huyện lỵ Cư Kuin. Phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, giá trị gia tăng cao. Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của huyện. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp tại cụm công nghiệp. Xây dựng nền nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; phấn đấu trong giai đoạn 2021-2025 xây dựng và hoàn thành 1-2 vùng chuyên canh nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

p) Thị xã Buôn Hồ

Phát triển thị xã Buôn Hồ là trung tâm nghiên cứu đổi mới sáng tạo, thương mại, dịch vụ, du lịch, sinh thái, văn hóa, phát triển nông nghiệp công nghệ cao. Có vị trí quan trọng về an ninh, quốc phòng.

q) Thành phố Buôn Ma Thuột

Là trung tâm kinh tế tổng hợp của tỉnh bao gồm các trung tâm về dịch vụ:

y tế, giáo dục, thể dục thể thao, du lịch, chuyển giao khoa học công nghệ, logistic, trung tâm công nghiệp, Trung tâm thương mại...

Mở rộng đô thị trung tâm đáp ứng yêu cầu liên kết và phát triển. Xây dựng hoàn thiện các công trình chức năng cấp vùng tại thành phố Buôn Ma Thuột là một hạt nhân, một cực kinh tế phát triển của vùng Tây Nguyên. Ưu tiên phát triển Dịch vụ; Du lịch; Công nghiệp.

XIII. Phương án bảo vệ môi trường; khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên, đa dạng sinh học; phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

1. Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

a) Về phân vùng môi trường

- Vùng bảo vệ nghiêm ngặt: Khu vực vườn quốc gia Yok Đôn, khu vực vườn quốc gia Chư Yang Sin, Vườn Quốc gia Ea Sô (nâng hạng từ khu bảo tồn thiên nhiên Ea Sô), khu bảo tồn loài và sinh cảnh Thông nước, khu dự trữ thiên nhiên Nam Kar, khu bảo vệ cảnh quan Hồ Lắk; toàn bộ diện tích rừng đặc dụng thuộc vùng bảo vệ của các di tích văn hóa, lịch sử cấp quốc gia, cấp tỉnh; các vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước của các nhà máy nước, công trình nước sạch trên địa bàn tỉnh; khu dân cư tập trung nội thành, nội thị của các đô thị loại III trở lên trên địa bàn tỉnh.

- Vùng hạn chế phát thải: Vùng đệm các khu bảo tồn thiên nhiên, khu vực vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo vệ cảnh quan, khu danh lam thắng cảnh; hệ thống khu di tích trên địa bàn tỉnh; khu vực khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh; khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh; hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; toàn bộ khu dân cư tập trung của các đô thị loại V, loại IV.

b) Về quan trắc chất lượng môi trường

- Đối với môi trường nước: Duy trì 20 điểm quan trắc môi trường nước sông; 15 điểm quan trắc môi trường nước hồ; 20 điểm quan trắc nước dưới đất; 05 điểm quan trắc nước thải sản xuất; 05 điểm quan trắc nước thải bãi chôn lấp; 10 điểm quan trắc nước thải sinh hoạt; 05 điểm quan trắc nước thải y tế; 04 điểm quan trắc dư lượng hóa chất bảo vệ thực vật.

- Môi trường không khí: Duy trì 30 điểm quan trắc môi trường không khí; 20 điểm quan trắc không khí khu vực sản xuất và khu công nghiệp.

- Môi trường đất, trầm tích: Duy trì 20 điểm quan trắc đất sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp; 10 điểm quan trắc mẫu bùn trầm tích, lòng sông suối.

c) Về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

Ưu tiên mở rộng vùng đệm của các Khu bảo tồn, vườn quốc gia hiện có nhằm đảm bảo sinh cảnh và môi trường sống cho các loài động thực vật hoang dã; Triển khai phương thức bảo tồn chuyên chỗ, hình thành hệ thống vườn thực vật,

vườn ươm, vườn động vật để bảo tồn và phát triển các nguồn gen quý hiếm, đặc hữu có nguy cơ tuyệt chủng đã xác định được của từng khu bảo tồn của tỉnh. Xây dựng Phương án Sáp nhập Ban Quản lý rừng phòng hộ Krông Năng, Khu Bảo tồn thiên nhiên Ea Sô để thành lập Khu Bảo tồn thiên nhiên Ea Sô (mới) và dự kiến nâng hạng thành Vườn quốc gia. Sáp nhập Trung tâm bảo tồn Voi và Ban Quản lý rừng phòng hộ Buôn Đôn (đã sáp nhập năm 2021), đồng thời rà soát lại diện tích rừng phòng hộ, rừng sản xuất đáp ứng đủ tiêu chí để xác lập diện tích rừng phòng hộ đầu nguồn;

d) Về định hướng bảo vệ rừng và phát triển rừng

Đến năm 2030, phân đầu diện tích có rừng trên địa bàn tỉnh đạt khoảng 519.289 ha; Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, cung cấp các dịch vụ môi trường rừng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh; Triển khai có hiệu quả Quy hoạch 3 loại rừng; Tăng cường sự tham gia hiệu quả của người dân, hạn chế sự phụ thuộc của cộng đồng vào rừng và giảm áp lực lên tài nguyên rừng, thúc đẩy hỗ trợ các doanh nghiệp thân thiện với bảo tồn phát triển các chuỗi giá trị dựa vào thị trường, tạo các cơ hội có thêm thu nhập bền vững của người dân trên địa bàn.

đ) Về sắp xếp, phân bố nghĩa trang, cơ sở hỏa táng, nhà tang lễ

Xây dựng nghĩa trang tập trung theo quy hoạch đô thị, nông thôn mới được duyệt. Di dời các nghĩa trang trong khu vực phát triển đô thị hiện hữu gây ô nhiễm môi trường, không có khả năng khắc phục. Xây dựng mới các cơ sở hỏa táng, nhà tang lễ tại các huyện, thành phố đáp ứng nhu cầu của người dân.

2. Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên

Khai thác, chế biến, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên khoáng sản, không làm ảnh hưởng môi trường và các danh lam, thắng cảnh trên địa bàn. Ưu tiên thăm dò, khai thác, chế biến các điểm mỏ có trữ lượng lớn. Khai thác gắn liền với chế biến, phục hồi môi trường. Áp dụng công nghệ tiết kiệm nguyên nhiên liệu, hạn chế ô nhiễm môi trường khi khai thác.

3. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

a) Phân bổ tài nguyên nước

Phân bổ nguồn nước cho các đối tượng khai thác, sử dụng nước theo thứ tự: (1) Nước sinh hoạt khu vực đô thị và nông thôn; (2) Cấp nước cho các ngành nông nghiệp sản xuất nông sản thiết yếu theo thứ tự ưu tiên: chăn nuôi, trồng cây lương thực, rau màu; (3) Cấp nước cho khu du lịch, dịch vụ; (4) Cấp nước cho các ngành nông nghiệp sản xuất thực phẩm theo thứ tự: thủy sản, cây ăn quả và cây lâu năm; (5) Cấp nước cho công nghiệp, ưu tiên khu công nghiệp, cụm công nghiệp tập trung; (6) Đảm bảo yêu cầu nước cho thủy điện phát điện.

b) Bảo vệ tài nguyên nước

- Cải thiện chất lượng nước, khắc phục tình trạng ô nhiễm tại các đoạn sông, nguồn nước đang bị ô nhiễm hoặc chưa đáp ứng được mục đích sử dụng.

- Kiểm soát các nguồn thải hiện có và các nguồn thải mới phát sinh. Phục hồi nguồn nước dưới đất bị suy thoái cạn kiệt.

- Xây dựng mạng quan trắc tài nguyên nước, giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước, đặc biệt các khu vực có nguy cơ cạn kiệt nguồn nước; xây dựng hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm từ các nguồn thải. Các nguồn nước thải trước khi xả vào nguồn nước phải được xử lý đạt quy chuẩn cho phép.

- Giám sát chặt chẽ để duy trì được dòng chảy tối thiểu cho các sông, suối. Phát triển diện tích rừng đầu nguồn, nghiêm cấm khai thác rừng thuộc lưu vực các hồ chứa nước quan trọng để tăng cường bảo vệ nguồn sinh thủy.

c) Phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

- Tăng cường trồng rừng và bảo vệ rừng đầu nguồn. Hoàn thiện, nâng cấp mạng lưới các trạm cảnh báo thiên tai hiện có. Rà soát các công trình đập dâng, hồ chứa nước đã xuống cấp để có kế hoạch gia cố, nâng cấp. Xóa bỏ những khu vực có nguy cơ lũ quét cao bằng các công trình ổn định mái dốc, chống sạt lở.

- Đẩy nhanh tiến độ dự án thủy lợi, các công trình phòng chống hạn. Rà soát những diện tích có khả năng thiếu nước để xây dựng kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng. Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cộng đồng về tác hại do nước gây ra.

- Triển khai hệ thống theo dõi, giám sát tình hình hạn hán. Điều chỉnh công tác quản lý, vận hành các hồ chứa nước và nước ngầm phù hợp với việc chống hạn. Sử dụng nước tiết kiệm, tăng cường các biện pháp trữ nước. Thay đổi các cơ cấu cây trồng phù hợp với tình hình hạn hán.

4. Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

a) Phân vùng rủi ro đối với từng loại thiên tai trên địa bàn tỉnh và xác định các khu vực ưu tiên phòng, chống đối với từng loại thiên tai

- Vùng thường xảy ra mưa lớn, lũ, ngập lụt: Gồm các huyện Lắk, Krông Bông, Krông Ana, Cư Kuin, Ea Súp, Ea Kar, Krông Pắc, Buôn Đôn.

- Vùng thường xảy ra hạn hán: Gồm các huyện Krông Búk, Cư M'gar, Krông Bông, Krông Ana, Ea Súp, Ea Kar, Krông Pắc, Buôn Đôn.

- Vùng thường xảy ra lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy. Gồm các huyện Krông Năng, Cư M'gar, M'Đrăk, Lắk, Krông Bông, Cư Kuin, Ea H'leo, Krông Búk, Buôn Đôn, Krông Pắc, Ea Kar và thành phố Buôn Ma Thuột.

- Vùng thường xảy ra lốc, sét và mưa đá: Gồm các huyện Ea Súp, Buôn Đôn, Krông Búk, M'Đrăk, Krông Năng, Ea Kar, Cư Kuin, Cư M'gar.

- Vùng trũng, ven sông: Gồm các huyện Lăk, Krông Ana, Cư Kuin, Krông Bông, Krông Pắc, Ea Súp, Ea Kar.

b) Phương án quản lý rủi ro thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu

- Phòng, chống thiên tai thực hiện theo hướng quản lý rủi ro tổng hợp theo lưu vực, liên vùng, liên ngành; xây dựng các quy hoạch, kế hoạch, dự án đầu tư xây dựng công trình phải đánh giá đầy đủ các tác động làm gia tăng rủi ro thiên tai.

- Kết hợp giải pháp công trình và phi công trình, theo hướng đa mục tiêu; khôi phục, tái thiết sau thiên tai đảm bảo tính bền vững và yêu cầu cao hơn sau khi xây dựng lại; tăng cường ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ kết hợp với kế thừa những kinh nghiệm truyền thống.

- Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân đầu tư nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ vào lĩnh vực phòng, chống thiên tai.

- Chuyển đổi cơ cấu mùa vụ để thích hợp với điều kiện tự nhiên trong vùng. Các vùng cần quan tâm lưu ý gồm là các vùng canh tác lúa nằm ven sông Krông Ana, ven hồ Lăk của xã Buôn Tría, Buôn Triết, Đăk Liêng, Yang Tao, Bông Krang. Sử dụng các giống cây trồng, vật nuôi có sức chống chịu cao với thời tiết khắc nghiệt, dịch bệnh. Phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học, áp dụng quy trình sản xuất tiên tiến hướng tới nền nông nghiệp hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh.

c) Phương án phòng chống lũ của các tuyến sông có đê, phương án phát triển hệ thống đê điều và kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai

- Nghiên cứu, đầu tư giải pháp phòng chống lũ, ngập lụt vùng Lăk, Buôn Tráp, Ea Súp (lưu vực sông Sêrêpôk).

- Xây dựng, củng cố, nâng cấp hệ thống đê theo tiêu chuẩn thiết kế. Nâng cấp đê bao Quảng Điền đoạn qua huyện Krông Ana, xây dựng đê bao vùng Lăk - Buôn Tráp thuộc huyện Lăk để chống lũ sớm bảo vệ sản xuất. Xây dựng kè dọc sông Krông Nô hạ lưu hồ Buôn Tua Srah và các công trình khác trên địa bàn tỉnh.

- Cứng hóa mặt đê và kè bảo vệ bảo đảm yêu cầu chống lũ, kết hợp làm đường giao thông; xử lý cấp bách sạt lở, nứt dọc chân đê.

- Đầu tư hệ thống cảnh báo, công trình phòng chống lũ quét, sạt lở đất tại một số khu vực có nguy cơ cao.

- Thực hiện dự án di chuyển dân cư ra khỏi vùng nguy hiểm do thiên tai, rừng đặc dụng và bố trí khu tái định cư để nhân dân phát triển sản xuất.

- Xử lý cấp bách các công trình phòng chống sạt lở bờ sông, bờ suối trên địa bàn tỉnh.

- Kiểm soát xây dựng công trình qua sông, suối, vùng ngập lũ để đảm bảo khẩu độ thoát lũ; quản lý chặt chẽ việc sử dụng bãi sông, xây dựng cơ sở hạ tầng, khai thác cát trên sông, khắc phục tình trạng lấn chiếm lòng sông, bãi sông đảm bảo không gian trữ, thoát lũ... Xử lý công trình lấn chiếm luồng tiêu, kênh tiêu, đảm bảo khẩu độ tiêu thoát nước.

XIV. Các dự án ưu tiên đầu tư

Trên cơ sở định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng và phương hướng tổ chức các hoạt động kinh tế - xã hội, xác định các dự án lớn, có tính chất quan trọng, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội để ưu tiên đầu tư và thu hút đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

XV. Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch

1. Giải pháp về huy động vốn đầu tư

Tập trung huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển. Sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư công, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào các ngành, lĩnh vực then chốt, dự án tạo động lực lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Mở rộng các hình thức đầu tư, khuyến khích hình thức đầu tư đối tác công tư (PPP) và hình thức đầu tư khác, đồng thời tăng cường xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước để huy động nguồn vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và các dự án sản xuất, kinh doanh trên địa bàn.

2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

- Thực hiện các chương trình, dự án phát triển đào tạo nguồn nhân lực của tỉnh như: Chương trình nâng cao chất lượng giáo dục đại học và cao đẳng, chương trình nâng cao chất lượng đào tạo nghề, chương trình đào tạo nguồn nhân lực cho cơ quan quản lý nhà nước; xây dựng Đề án việc làm trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Tăng cường liên kết các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp trong đào tạo nghề nghiệp; triển khai đào tạo nghề nghiệp theo hình thức đặt hàng; hỗ trợ đào tạo doanh nhân; tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ.

3. Giải pháp về môi trường, khoa học và công nghệ

Thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền và bảo vệ môi trường. Áp dụng tiêu chuẩn quốc tế về quản lý môi trường; phát triển, ứng dụng các mô hình kinh tế tuần hoàn, sản xuất sạch, sử dụng tiết kiệm năng lượng, tài nguyên đối với tất cả các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh. Tích cực hợp tác với các địa phương trong nước và quốc tế về bảo vệ môi trường. Chú trọng nâng cao năng lực quản lý nhà nước về môi trường. Phân công, phân cấp rõ chức năng, nhiệm vụ bảo vệ môi trường giữa các cấp, ngành, các địa phương; đầu tư nâng cao năng lực giám sát môi trường. Xây dựng cơ chế chính sách thu hút đầu tư bảo vệ môi trường.

Đẩy mạnh quá trình chuyển đổi số để phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số phù hợp với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4; Thực hiện tốt các chính sách khuyến khích, hỗ trợ nghiên cứu phát triển các sản phẩm có tiềm năng, lợi thế của tỉnh; Thu hút nguồn nhân lực khoa học và công nghệ có trình độ cao tại các địa phương; hỗ trợ tạo lập và phát triển quyền sở hữu công nghiệp.

4. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

Tích cực kết nối với các doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, trong nước và nước ngoài để xúc tiến đầu tư, thương mại; tiếp tục triển khai hiệu quả các chương trình hợp tác với các địa phương đã ký kết; tăng cường quan hệ hợp tác với các tổ chức quốc tế tại Việt Nam, các Đại sứ quán và cơ quan đại diện nước ngoài, các tổ chức phi Chính phủ tại Việt Nam.

5. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn

Kiểm soát chặt chẽ quỹ đất rừng, tài nguyên - môi trường rừng và tỷ lệ bao phủ rừng, cân bằng và chuyển hóa một phần quỹ đất nông nghiệp hiện có trong đô thị sang đất xây dựng để đáp ứng tiêu chí phát triển đô thị và nhu cầu tăng trưởng kinh tế cho xã hội; đầu tư xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin đất đai, hồ sơ địa chính theo hướng chuyển đổi số; chỉ đạo thực hiện nghiêm túc công khai, minh bạch công tác giao đất, cho thuê đất để thực hiện các dự án thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất.

6. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

- Tổ chức công bố công khai quy hoạch bằng nhiều hình thức khác nhau, tạo sự đồng thuận, nhất trí trong triển khai thực hiện.

- Thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung và xây dựng mới quy hoạch chung, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và các quy hoạch khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch theo hướng đồng bộ.

- Triển khai xây dựng kế hoạch thực hiện, thường xuyên cập nhật, cụ thể hóa các nội dung quy hoạch thành các kế hoạch 5 năm, hằng năm. Các cấp, các ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chương trình, kế hoạch phát triển bảo đảm phù hợp với quy hoạch được duyệt. Trong quá trình triển khai thực hiện, định kỳ đánh giá, giám sát kết quả thực hiện quy hoạch theo quy định./.